

THAM LUẬN 1**THỰC TRẠNG VỀ TỰ HỌC, TỰ BỒI DƯỠNG CÁC MÔN RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ
SƯ PHẠM CỦA SINH VIÊN LỚP MỸ THUẬT****Tác giả: Hồ Thị Thảo Nguyên****Lớp: SP Mỹ thuật 37****GVHD: Ths. Nguyễn Thiện Mỹ Tâm****I. Lí do chọn đề tài:**

Đồng chí Phạm Văn Đồng đã nói “ Nghề dạy học là nghề cao quý bậc nhất trong các nghề cao quý của xã hội xã hội chủ nghĩa. Các nghề trong chế độ ta đều sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần ... Nghề dạy học là nghề sáng tạo bậc nhất vì nó sáng tạo ra con người sáng tạo”. Bởi vậy, là sinh viên sư phạm - người giáo viên trong tương lai, để có thể đảm đương trách nhiệm “trồng người” to lớn ấy, chúng ta phải cố gắng học tập và rèn luyện thật tốt. Việc học ở trên trường lớp, sách vở thôi chưa đủ, còn phải học tập từ bạn bè, thầy cô và mọi người. Quan trọng hơn hết đó chính là việc tự học, tự nghiên cứu bồi dưỡng thêm những kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể trở thành một người thầy đúng nghĩa của người sinh viên sư phạm. Những kiến thức, kỹ năng đó gọi chung là nghiệp vụ sư phạm.

Theo các nhà khoa học giáo dục thì nghiệp vụ sư phạm chính là công việc chuyên môn riêng của người thầy giáo làm công tác giảng dạy và giáo dục con người. Đây là nội dung học tập có tính thực hành rất lớn, vận dụng tích hợp nhiều môn học, như tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học, ...

Xuất phát từ yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học hiện nay, Nghị quyết Trung ương 4 khóa VII đã xác định: "Phải khuyến khích tự học "phải" áp dụng những phương pháp giáo dục hiện đại để bồi dưỡng cho những sinh viên năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề". Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII tiếp tục khẳng định phải: Đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy học, bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên Cao đẳng, Đại học.

Do vai trò tự học trong quá trình dạy học hiện nay mà Đảng đã đề ra cho ngành giáo dục đặc biệt ở các trường Sư phạm nói chung và các trường Cao đẳng Sư phạm nói riêng một trách nhiệm nặng nề là đào tạo những người thầy giáo đảm đương được trách nhiệm trồng người trong thời đại mới. Việc tự học của sinh viên ở trường Cao đẳng sư phạm ngày càng trở nên quan trọng. Như khi bàn về việc học, Lênin đã khuyên thanh niên "Học, học nữa, học mãi". Hay Bác Hồ đã viết trong cuốn Sửa đổi lề lối làm việc: "Cách học tập phải lấy tự học làm cốt lõi, phải biết tự động học tập". Như vậy, để sinh viên học tập và hình thành kỹ năng dạy học tốt hơn thì người sinh viên phải cố gắng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề qua các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm khi còn ngồi trên ghế trường Sư phạm.

Bởi vì những yêu cầu bức thiết về vấn đề tự học, tự bồi dưỡng các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên Sư phạm nên tôi chọn đề tài “ **Thực trạng về việc tự học các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên lớp Mĩ thuật**”. Để từ đó tìm ra những giải pháp giúp các bạn sinh viên tự học một cách hiệu quả hơn.

II. Vài nét lí luận về việc hình thành kỹ năng tự học các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên:

1. Các quan niệm về sự hình thành năng lực tự học ở sinh viên:

Năng lực là khả năng làm việc tốt, nhờ có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn. Năng lực tự học là khả năng tự mình tìm tòi, nhận thức và vận dụng kiến thức vào tình huống mới, hoặc tương tự với chất lượng cao.

Tự học - tự đào tạo là vấn đề được Nghị quyết Đại hội Đảng VIII và Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đề cập rất đậm nét: "Tập trung sức nâng cao chất lượng dạy và học, tạo ra năng lực tự học sáng tạo của sinh viên bảo đảm điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, phát triển mạnh phong trào tự học - tự đào tạo thường xuyên và rộng khắp trong toàn dân...".

GS Nguyễn Văn Đạo (Đại học Quốc gia Hà Nội) đã có một vài suy nghĩ chung về vấn đề "Tự học": “Tự học là công việc suốt cả cuộc đời mỗi người”. Sinh, bệnh, lão, tử là quy luật chung của cuộc sống đối với mọi sinh vật, song con người khác với sinh vật ở khả năng tư duy, sáng tạo và khả năng này chỉ có thể đạt tới và phát huy trên nền kiến thức cơ bản được tạo ra thông qua quá trình học và tự học. Số thời gian dành cho việc học với sự giúp đỡ của người thầy là rất ít chỉ chiếm khoảng 1/4 của một đời người. Thời gian còn lại chủ yếu là dành cho việc tự học, cho lao động sáng tạo. Ngay cả trong giai đoạn đi học việc tự học luôn luôn có vai trò đặc biệt quan trọng. Những người biết tự học, năng động, sáng tạo trong quá trình đi học là những người có triển vọng và tiến xa trong cuộc đời này.

GS.TS Nguyễn Cảnh Toàn cho rằng: Tự học là tự mình động não, sử dụng các năng lực trí tuệ, cùng các phẩm chất của mình, rồi cả động cơ, tình cảm, cả nhân sinh quan, thế giới quan, để chiếm lĩnh một lĩnh vực hiểu biết nào đó của nhân loại, biến lĩnh vực đó thành sở hữu của mình.

2. Tự học và các kỹ năng tự học:

2.1 Vai trò của tự học:

Tự học giúp sinh viên đúc rút phương pháp học tập phù hợp, biết cách tư duy sáng tạo, biện luận một vấn đề nào đó, năng động linh hoạt trong vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tế. Đồng thời, tự học giúp người học bổ sung, đào sâu, hệ thống hóa, khái quát hóa những điều đã được học, có tác dụng quyết định đến kết quả học tập, phát triển và củng cố năng lực nhận thức, sức mạnh chí, nghị lực và những phẩm chất cần thiết của việc tổ chức lao động học tập.

2.2 Các quan niệm về tự học:

Có nhiều quan điểm của nhiều tác giả trong và ngoài nước về tự học nhưng tựu chung đều cho rằng tự học là hoạt động của bản thân người học tự chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo một cách tự giác, chủ động, tự lực và tích cực.

2.3 Các kỹ năng tự học:

a. Xây dựng kế hoạch tự học:

Bao gồm việc lên danh mục các nội dung cần tự học, khối lượng và yêu cầu cần đạt được, các hoạt động cần phải tiến hành, sản phẩm cụ thể cần phải được tạo ra, thời gian dành cho mỗi nội dung và hoạt động.

b. Lựa chọn tài liệu:

Lựa chọn cho đúng, đủ tài liệu cần thiết phục vụ cho tự học đòi hỏi người học phải được rèn luyện một kỹ năng lựa chọn thích hợp, bắt đầu tự chọn đúng, chọn đủ, chọn hợp lí, chọn cái thực sự cần thiết, chọn tài liệu liên quan trực tiếp, gián tiếp, bổ sung.

c. Lựa chọn hình thức tự học:

Việc lựa chọn, hoặc phối hợp các hình thức tự học cá nhân, đôi bạn học tập, nhóm, học với tài liệu, học với chương trình ở tivi, máy tính, ... một cách phù hợp đóng vai trò hết sức quan trọng.

d. Xử lí thông tin:

Kỹ năng xử lí thông tin có thể được chia làm hai kỹ năng nhỏ kế tiếp nhau: hệ thống hóa và phân tích, tổng hợp, khái quát hóa.

e. Vận dụng tri thức vào thực tiễn:

Việc vận dụng tri thức vào thực tiễn vừa là mục đích tự thân của việc học, vừa là quá trình bổ sung, mở rộng, đào sâu, làm giàu tri thức cá nhân. Vận dụng tri thức vào thực tiễn bao gồm cả việc vận dụng kiến thức đã có để giải quyết vấn đề thuộc về nhận thức và việc vận dụng kiến thức vào sản xuất, đời sống sinh hoạt hàng ngày.

g. Trao đổi và phổ biến thông tin:

Việc trao đổi và phổ biến thông tin có thể diễn ra bằng nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn như: trò chuyện, tuyên truyền, viết tin, báo cáo, viết bài báo khoa học, soạn thảo chuyên đề... Kỹ năng trao đổi và phổ biến thông tin liên quan đến các kỹ năng truyền đạt và viết văn bản khoa học.

h. Kiểm tra, đánh giá:

Tự kiểm tra, đánh giá là một kỹ năng quan trọng trong tự học, vì làm được điều này, người học mới biết được trình độ tự học của mình đạt đến mức độ nào và xác định được mục đích của việc tự học.

3. Cơ sở về lí luận của các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm:

Trong công tác đào tạo bất kì nghề nào cũng phải quan tâm đến vấn đề rèn luyện nghiệp vụ, bồi dưỡng tay nghề cho người học. Sự thành thạo, nhuần nhuyễn tay nghề là một yếu tố vô cùng quan trọng, làm tăng hiệu quả hoạt động trong một lĩnh vực nghề nghiệp nhất định, vì “trăm hay không bằng tay quen”.

Nghề dạy học là một trong những nghề đào tạo ra những con người có đức, có tài, góp phần quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Khác với một số nghề, đối tượng giáo dục của nghề dạy học là những con người có một thế giới nội tâm phong phú, đa dạng về tình cảm, trí tuệ và nhân cách. Sự độc đáo về đối tượng hoạt động đã làm cho nghề dạy học trở nên rất phức tạp nhưng cũng rất vinh quang.

Cũng như mọi nghề khác, nghề dạy học có một “quy trình công nghệ” riêng. Muốn trở thành người thầy giáo theo đúng nghĩa, sinh viên phải được đào tạo theo một quy trình nghiêm ngặt. Quy trình ấy bao gồm một hệ thống việc làm, hàm chứa nội dung cả lí luận và

thực hành, nhằm hình thành cho sinh viên những kỹ năng, kỹ xảo đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp và cuộc sống. Đó chính là việc bồi dưỡng năng lực thực tiễn cho sinh viên.

Để có được năng lực thực tiễn đó, sinh viên sư phạm phải có thái độ học tập, nghiên cứu tự giác, chủ động thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các mục tiêu đã đặt ra trong chương trình đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngay từ những ngày đầu bước chân vào trường Cao đẳng sư phạm. Mỗi sinh viên sư phạm cần nhanh chóng biến các yêu cầu khách quan của nhà trường thành nhu cầu hoạt động của chính bản thân mình, kiên trì tập luyện, vượt mọi khó khăn, quyết tâm chiếm lĩnh những tri thức mới với phương châm “học thầy không tày học bạn”, “có công mài sắt, có ngày nên kim”.

Để làm tròn nhiệm vụ người kỹ sư tâm hồn, mỗi người sinh viên sư phạm phải biết tận dụng những điều kiện thuận lợi cả về khách quan và chủ quan trong quá trình đào tạo ở trường Cao đẳng sư phạm để từng bước làm phong phú thêm hành trang nghề nghiệp của mình, tạo nền móng vững chắc cho những bước đi trên con đường tiến vào tương lai.

III. Thực trạng việc tự học của sinh viên lớp Mỹ thuật:

1. Những thuận lợi và khó khăn trong việc tự học của sinh viên lớp Mỹ thuật:

1.1 Thuận lợi:

Do đặc điểm chuyên ngành Mỹ thuật, mỗi môn chuyên ngành đều có 50% giờ học trên lớp và 50% giờ tự học và các môn TLGD, RLNVSP cũng có nhiều giờ thực hành thảo luận nên sinh viên có nhiều thời gian để học tập và tự nghiên cứu để bồi dưỡng nâng cao tay nghề về chuyên môn.

Nhà trường và khoa Nhạc – họa – TD – CTĐ cũng đã tạo điều kiện để sinh viên nâng cao tay nghề qua các hội thi như Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, Ngoại khóa TLGD, Thực tế tham quan giáo dục....

Mỗi năm nhà trường đều tạo điều kiện cho sinh viên về các trường THCS thực tập sư phạm, để sinh viên tiếp xúc nhiều hơn với môi trường sư phạm và thực hành nâng cao tay nghề.

1.2 Khó khăn:

Sinh viên còn hạn chế về ý thức của việc tự học các môn RLNVSP: Một số bạn sinh viên chưa xác định được mục tiêu học tập, chưa có động cơ học tập đúng đắn dẫn đến việc vào lớp học không tiếp thu bài, không tự học tập, nghiên cứu nâng cao tay nghề. Giờ tự học còn vắng nhiều. Không tích cực trong các hoạt động nhằm nâng cao tay nghề của khoa và nhà trường tổ chức.

2. Thực trạng việc tự học các môn nghiệp vụ sư phạm của sinh viên lớp Mỹ thuật:

Để minh chứng cho vấn đề này, tôi đã tham khảo ý kiến của 53 bạn sinh viên Mỹ thuật (khóa 37 và khóa 38) về: - Thời gian dành cho tự học; việc xây dựng kế hoạch tự học; các vấn đề về phương pháp tự học; tính tích cực tự giác trong giờ học, thảo luận, trong thực hành.

Nội dung	Mức độ		
	Có	Thỉnh thoảng	Không
Dành thời gian cho việc tự học	7 - 13,2%	26 - 49,1%	20 - 37,7%
Xây dựng kế hoạch tự học	4 - 7,5%	8 - 15,1%	41 - 77,4%
Phương pháp tự học	6 - 11,3%	14 - 26,4%	33 - 62,3%
Tính tích cực, tự giác	8 - 15,1%	21 - 39,6%	24 - 45,3%

Tôi nhận được một số kết quả về các câu trả lời của các bạn:

Đa số các bạn được hỏi cho rằng: Ít dành thời gian cho việc tự học (chỉ khi nào gần đến thi học phần). Hầu như không có phương pháp tự học (trừ một vài bạn là sinh viên Giỏi)

Đa số các giờ học, sinh viên các lớp Mĩ thuật đều thụ động trong các giờ thảo luận, giờ thực hành và làm việc riêng. Chờ thầy cô gọi đến tên mới phát biểu chứ không tích cực tham gia phát biểu ý kiến xây dựng bài học.

Các giờ thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tập giảng đa số các bạn sinh viên thực hiện dưới hình thức đối phó, chưa thật sự tích cực cố gắng luyện tập (tổ học tập phân công bạn nào thì bạn đó chuẩn bị)

Phần lớn sinh viên trong lớp Mĩ thuật đều ở kí túc xá trường. Đa số đều đi làm thêm, nên thời gian dành cho việc tự học không nhiều.

Một số bạn chưa xác định được tương lai mình sẽ là một người thầy, chưa xác định được mục tiêu học tập, chỉ học với thái độ thờ ơ, đối phó nên cũng không dành thời gian nhiều cho việc tự học, tự bồi dưỡng các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Vì vậy kết quả của một số môn chưa được tốt:

- Đa số các bạn đều nằm ở mức điểm trung bình và dưới trung bình. Chỉ có một số ít bạn đạt mức điểm khá. Điển hình như môn Tâm lí học đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm, Giáo dục học, ...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Tên học phần: Gian lý học Số DVHT: 3 Số tiết: 45
 Lớp: SP MỸ THUẬT- GD CD 38 Khóa: 2012-2015 Học kỳ: I Năm học: 2012-2013

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM KIỂM TRA				Điểm thực hành	Điểm chuyên cần	Điểm thảo luận và xêmina	Điểm thi kết thúc học phần	ĐIỂM HỌC PHẦN		GHI CHÚ
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4					Bảng số	Bảng chữ	
1	Phạm Trường An	4	7				7		5	5	Nhỏ	
2	Lê Tuấn Anh	6	5				8		3	4	Bình	
3	Nguyễn Thị Kim Bình	6	6				7		4	5	Nhỏ	
4	Nguyễn Minh Chí	5	6				8		2	4	Bình	
5	Nguyễn Thị Dung	5	6				8		2	4	Bình	
6	Huỳnh Tường Dung	7	8				8		2	4	Bình	
7	Hoàng Dung	5	5				6		1	3	Bình	
8	Nguyễn Hoàng Duy	5	6				8		5	5	Nhỏ	
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7	5				8		4	5	Nhỏ	
10	Phan Đăng Lê Minh Đức	7	7				8		3	5	Nhỏ	
11	Hoàng Văn Hai	6	5				8		2	4	Bình	
12	Trần Lê Kim Hân	7	5				8		2	4	Bình	
13	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	4	5				8		4	5	Nhỏ	
14	Nguyễn Thị Phương Hiếu	6	6				7		2	4	Bình	
15	Lê Trọng Hiếu	5	6				8		3	4	Bình	
16	Vũ Mạnh Hùng	6	6				8		2	4	Bình	
17	Nguyễn Hoài Hưng	6	6				8		6	6	Sau	
18	Đặng Thị Linh	5	5				7		2	3	Bình	
19	Nguyễn Trọng Nhật Long	6	7				8		5	6	Sau	
20	Võ Văn Luận	8	5				8		0	3	Bình	
21	Đặng Trà Hoài Ngân	5	5				8		1	3	Bình	
22	Huỳnh Nghĩa Nhân	5	7				8		2	4	Bình	
23	Phạm Thành Nhân	6	6				8		2	4	Bình	
24	Trần Nguyễn Quang Nhật	6	6				8		2	4	Bình	
25	Đỗ Bảo Nhi	6	5				8		2	4	Bình	
26	Võ Thái Phong	5	5				7		0	2	Hỏi	
27	Phạm Minh Quý	6	5				8		0	2	Hỏi	
28	Nguyễn Phương Việt Thảo	7	6				7		4	5	Nhỏ	
29	Phạm Thị Thu Thảo	4	5				8		3	4	Bình	
30	Nguyễn Thị Bé Thi	5	5				7		7	6	Sau	
31	Lê Thị Hoài Thu	5	5				8		6	6	Sau	
32	Nguyễn Quốc Thuận	5	6				8		7	7	Bình	
33	Huỳnh Ngọc Tín	5	4				7		1	3	Bình	
34	Huỳnh Phi Toàn	5	6				8		3	4	Bình	
35	Vũ Quốc Toàn	5	6				8		3	4	Bình	
36	Ngô Như Đoàn Trang	6	7				8		2	4	Bình	
37	Nguyễn Thị Thu Trang	6	6				7		3	4	Bình	
38	Trần Huỳnh Trang	5	6				6		1	3	Bình	
39	Nguyễn Minh Trí	5	6				6		2	3	Bình	
40	Lê Trần Diễm Trúc	5	6				8		1	3	Bình	
41	Phạm Hiếu Trung	5	6				8		1	3	Bình	
42	Nguyễn Thành Ut	5	5				8		4	5	Nhỏ	
43	Lê Thị Ngọc Văn	6	4				8		3	4	Bình	
44	Bùi Nam Việt	7	6				8		4	5	Nhỏ	

DUYỆT TRƯỞNG KHOA

Tây Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2014
 Giáo viên bộ môn

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Tên học phần: Go học Số ĐVHT: 3 Số tiết: 40
 Lớp: SP MỸ THUẬT - GDCD 38 Khóa: hệ Học kỳ: 3 Năm học: 2014 - 2015

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM KIỂM TRA				Điểm thực hành	Điểm chuyên cần	Điểm thảo luận và xêmina	Điểm thi kết thúc học phần	ĐIỂM HỌC PHẦN		GHI CHÚ
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4					Bảng số	Bảng chữ	
1	Phạm Trường An	8	6				10		6	7	bay	
2	Lê Tuấn Anh	8	5				10		7	7	bay	
3	Nguyễn Thị Kim Bình	8	6				10		4	6	sau	
4	Nguyễn Minh Chí	8	7				10		6	7	bay	
5	Nguyễn Thị Dung	8	6				10		7	7	bay	
6	Huỳnh Tường Dung	7	6				10		2	4	bên	
7	Hoàng Dung	8	6				10		4	6	sau	
8	Nguyễn Hoàng Duy	8	7				8		5	6	sau	
9	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	8	6				10		8	8	am	
10	Phan Đăng Lê Minh Đức	8	6				10		7	7	bay	
11	Hoàng Văn Hai	7	6				10		5	6	sau	
12	Trần Lê Kim Hân	8	6				10		5	6	sau	
13	Nguyễn Thị Tuyết Hạnh	8	7				8		7	7	bay	
14	Nguyễn Thị Phương Hiếu	8	6				10		6	7	bay	
15	Lê Trọng Hiếu	7	6				10		6	7	bay	
16	Vũ Mạnh Hùng	7	4				7		5	5	ngap	
17	Nguyễn Hoài Hưng	8	6				10		6	7	bay	
18	Đặng Thị Linh	6	6				10		5	6	sau	
19	Nguyễn Trọng Nhất Long	7	6				10		5	6	sau	
20	Võ Văn Luận	8	6				10		6	7	bay	
21	Đặng Trà Hoài Ngân	7	5				10		5	6	sau	
22	Huỳnh Nghĩa Nhân	8	5				10		4	5	ngap	
23	Phạm Thành Nhân	7	6				10		4	5	ngap	
24	Trần Nguyễn Quang Nhật	8	6				10		6	7	bay	
25	Đỗ Bảo Nhi	8	6				6		4	5	ngap	
26	Võ Thái Phong	8	5				10		4	5	ngap	
27	Phạm Minh Quý	8	5				10		5	6	sau	
28	Phạm Thị Thu Thảo	8	6				10		3	5	ngap	
29	Nguyễn Thị Bé Thi	7	6				10		3	5	ngap	
30	Lê Thị Hoài Thu	7	7				10		3	5	ngap	
31	Nguyễn Quốc Thuận	8	7				10		7	7	bay	
32	Huỳnh Ngọc Tín	8	6				6		5	6	sau	
33	Huỳnh Phi Toàn	8	5				10		5	6	sau	
34	Vũ Quốc Toàn						10					
35	Ngô Như Đoàn Trang	7	7				10		6	7	bay	
36	Nguyễn Thị Thu Trang	8	6				10		5	6	sau	
37	Trần Huỳnh Trang	8	5				10		4	5	ngap	
38	Nguyễn Minh Trí	7	4				10		3	6	sau	
39	Lê Trần Diễm Trúc	7	6				10		2	4	bên	
40	Phạm Hiếu Trung	7	6				10		0	3	bi	
41	Nguyễn Thành Ut	7	8				10		7	7	bay	
42	Lê Thị Ngọc Văn	8	7				6		7	7	bay	
43	Bùi Nam Việt	7	6				10		5	6	sau	

DUYỆT TRƯỞNG KHOA
Mt
Huỳnh Ninh Thi

Tây Ninh, ngày 24 tháng 4 năm 2015
Giáo viên bộ môn
Nh
Nguyễn Thị Hằng

IV. Biện pháp hình thành và nâng cao kỹ năng tự học các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên lớp Mỹ thuật:

Là sinh viên sư phạm, việc đầu tiên chúng ta cần phải xác định rõ động cơ học tập và định hướng cho tương lai. Từ đó có thái độ tích cực và nghiêm túc trong việc học tập để trở thành người giáo viên gương mẫu có ích cho xã hội.

Muốn trở thành người giáo viên giỏi, sinh viên phải tích cực rèn luyện nghiệp vụ sư phạm từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Và muốn làm tốt điều đó, sinh viên cần phải hình thành kỹ năng tự học, bởi việc học trên trường lớp không bao giờ là đủ. Để việc tự học, tự bồi dưỡng các môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đạt hiệu quả tốt thì việc quan trọng là người sinh viên phải tự mình rèn luyện tốt các kỹ năng tự học. Các kỹ năng tự học bao gồm kỹ xây dựng kế hoạch tự học, kỹ năng lựa chọn tài liệu, kỹ năng lựa chọn hình thức tự học, kỹ năng xử lý thông tin, kỹ năng vận dụng tri thức vào thực tiễn, kỹ năng trao đổi và phổ biến thông tin, và cuối cùng là kỹ năng tự kiểm tra đánh giá việc tự học của chính mình.

Việc lập kế hoạch rèn luyện các kỹ năng tự học, tham gia các khóa đào tạo kỹ năng tự học và các diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm tự học theo chuyên ngành, tự trang bị kiến thức về kỹ năng tự học qua sách, báo, truyền hình, lập các nhóm tự học, ... là những biện pháp hiệu quả giúp sinh viên hình thành kỹ năng tự học, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề.

Khi vào lớp, sinh viên cần phải chú ý nghe thầy cô giảng bài, tích cực phát biểu xây dựng bài, ghi chép bài, có điều không hiểu thì hỏi lại thầy cô và bạn bè ngay trên lớp. Về nhà, xem lại bài học trên lớp, tìm hiểu thêm những vấn đề liên quan đến bài học trên sách báo, tạp chí, mạng internet, ... để củng cố và bổ sung thêm kiến thức cho bản thân.

Đối với những môn thực hành nghiệp vụ sư phạm, rèn luyện tay nghề, sinh viên phải tích cực tham gia thực hành tại lớp cùng thầy cô và bạn bè. Khi về nhà, nên thường xuyên tập luyện nghiệp vụ, tập giảng để có thể có tác phong sư phạm chuẩn mực làm hành trang cho bản thân trong tương lai.

Bên cạnh đó, nhà trường cần đầu tư cơ sở vật chất và nguồn tài liệu phong phú trong thư viện phục vụ cho hoạt động tự học của sinh viên là việc làm thiết thực nhất. Ngoài ra, nhà trường cần phối hợp với các tổ chức Đoàn – Hội mở các khóa học, các chuyên đề bồi dưỡng hoặc các cuộc thi về kỹ năng tự học, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nâng cao tay nghề dành cho sinh viên.

V. Kết luận:

Đối với mỗi người sinh viên Cao đẳng sư phạm, người giáo viên tương lai, bên cạnh các kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, thì việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề là một trong những yêu cầu cơ bản và quan trọng. Bởi nghiệp vụ sư phạm cũng chính là một trong những con đường, biện pháp để dạy học, để truyền tải kiến thức, kỹ năng đến học sinh; hướng dẫn học sinh hoạt động tìm tòi, chiếm lĩnh, củng cố kiến thức và hình thành các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng sống. Nếu người giáo viên chỉ giỏi về kiến thức mà không có kỹ năng sư phạm giỏi, thì người giáo viên đó không thể hoàn thành tốt được các nhiệm vụ giáo dục đào tạo trong các nhà trường.

Và các môn nghiệp vụ sư phạm nếu chỉ học trên trường lớp thôi thì không bao giờ là đủ, đòi hỏi bản thân người sinh viên phải tự học, tự bồi dưỡng các nghiệp vụ thêm bên ngoài nhà trường. Tự học ở mọi lúc mọi nơi, ở bạn bè, thầy cô, sách vở, báo chí, mạng internet, ...

Muốn giỏi về cả kiến thức chuyên môn lẫn nghiệp vụ sư phạm thì người sinh viên sư phạm nói chung và sinh viên Mĩ thuật nói riêng phải cố gắng phấn đấu tự học, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề. Chỉ có như vậy mới có thể trở thành người giáo viên gương mẫu trong tương lai, xứng đáng với danh xưng “kỹ sư tâm hồn”.

THAM LUẬN 2**MỘT SỐ GIẢI PHÁP TỰ HỌC NHẪM BỒI DƯỠNG VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ
TIẾNG ANH CỦA LỚP TIẾNG ANH 38
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY NINH****Tác giả : nhóm Nguyễn Ngọc Phương Nguyên****Lớp : Tiếng Anh 38****GVHD : Ths. Nguyễn Tuấn Em****I. MỞ ĐẦU****1. Lý do chọn đề tài**

Học tiếng Anh là một quá trình lâu dài và không ngừng nghỉ. Chính vì vậy người học tiếng Anh đòi hỏi cần phải có sự kiên trì và siêng năng trong việc tự tìm tòi, học hỏi nghiên cứu. Dù bạn có thông minh tới đâu nhưng nếu không học, không trau dồi kiến thức liên tục thì thông minh cũng chỉ giống như vật trang trí mà thôi. Tuy nhiên, bạn cần phải hiểu rằng không phải mỗi ngày cắp sách tới trường, chăm chú nghe thầy cô giảng bài, về nhà học một ít từ vựng, nói một vài câu giao tiếp thông thường hay nghe nhiều bài hát tiếng Anh là sẽ giỏi. Đó là suy nghĩ hoàn toàn sai lầm. Để có thể trở thành một người giỏi tiếng Anh thật sự thì điều tất yếu trước tiên là bạn cần phải có kỹ năng học và tự học, những kỹ năng đó sẽ không ai dạy bạn mà chính bản thân bạn phải ý thức được tầm quan trọng của kiến thức mà rèn luyện cho bản thân. Vậy những kỹ năng đó là gì? Bạn có thể rèn luyện cho mình những kỹ năng đó hay không? Có khá nhiều bạn sinh viên lớp tiếng Anh 38 đã đưa ra nhận xét rằng họ vẫn chưa thật sự tự học tiếng Anh một cách có hiệu quả. Vậy nguyên nhân là do đâu? Những giải pháp nào có thể giúp họ tự học và bồi dưỡng để nâng cao trình độ tiếng Anh thật sự hiệu quả nhất? Đó là lý do chúng tôi quyết định chọn đề tài “Một số giải pháp tự học và bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh của lớp tiếng Anh 38 trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh”.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**2.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu này nhằm mục đích tìm ra một số giải pháp để giúp sinh viên lớp tiếng Anh 38 có thể tự học và bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh một cách có hiệu quả.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản của việc tự học.
- Nghiên cứu thực trạng về việc tự học tiếng Anh của sinh viên lớp tiếng Anh 38
- Nghiên cứu các giải pháp để có thể tự học nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ tiếng Anh một cách có hiệu quả.

3. Giả thiết khoa học

Những giải pháp đề xuất sẽ giúp các bạn sinh viên lớp tiếng Anh 38 có thể tự học tiếng Anh một cách có hiệu quả.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Một số giải pháp tự học và bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ tiếng Anh của lớp tiếng Anh 38 trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh.

4.2. Khách thể nghiên cứu

Sinh viên của lớp tiếng Anh 38 trường Cao đẳng sư phạm Tây Ninh.

II. NỘI DUNG

1. Cơ sở lí luận

a. Thế nào là tự học ?

Tuy đã được nghiên cứu từ lâu và rất nhiều trên thế giới nhưng ‘tự học’ (learner autonomy) lại là một thuật ngữ gây nhiều tranh luận và đôi khi các nhà giáo dục học và ngôn ngữ học không thể thống nhất hoàn toàn với nhau về định nghĩa tự học là thế nào. Một số nhà nghiên cứu nổi tiếng định nghĩa về tự học như sau:

- Tự học là khả năng tự lo cho việc học của chính mình [...]. (Henri Holec, 1981:3).
- Tự học là vấn đề về mối tương quan tâm lý của người học với quá trình và nội dung học. (David Little, 1991:3).
- Tự học là sự nhận thức về quyền của người học trong hệ thống giáo dục . (Phil Benson, http://en.wikipedia.org/wiki/learner_autonomy).

Từ những định nghĩa trên cho thấy khái niệm tự học luôn đi cùng, gắn bó chặt chẽ với khái niệm tự thân. Tri thức, kinh nghiệm, kĩ năng của mỗi cá nhân chỉ được hình thành bền vững và phát huy hiệu quả thông qua các hoạt động tự thân ấy vấn đề là chúng ta xem tự học là phương tiện hay là mục đích cuối cùng. Hai cách nhìn này đan xen lẫn nhau và cả hai đều có thể là một phần trong quan điểm của chúng ta về việc học ngôn ngữ hay việc học nói chung.

b. Các hình thức tự học

* Tự học trên lớp :

- Nghe giảng
- Ghi chép
- Làm bài tập

* Tự học ngoài lớp :

- Đọc sách và tài liệu tham khảo
- Thực hiện các bài tập thực hành chuyên môn
- Tự học bằng cách tham gia các câu lạc bộ, diễn đàn và tự trải nghiệm thực tế.

c. Vai trò của tự học trong việc bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn

Tự học không những giúp sinh viên không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập khi còn ngồi trên ghế nhà trường mà trong tương lai, họ sẽ trở thành người giáo viên dạy giỏi, có năng lực, có thói quen và phương pháp tự học suốt đời.

Ngoài việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo chương trình đào tạo, nhờ tự học, sinh viên còn nâng cao trình độ văn hoá chung cho mình để đáp ứng yêu cầu của cuộc sống đặt ra. Ngoài ra, nếu tổ chức tốt công tác tự học sẽ giúp cho sinh viên:

- Phát triển tính tự giác, tích cực và tính độc lập nhận thức, khắc phục tính thụ động, ỷ lại vào thầy hoặc người khác.
- Làm quen với cách làm việc độc lập, tích cực chủ động trong tư duy.

- Bồi dưỡng hứng thú học tập, rèn luyện ý chí phấn đấu, đức tính kiên trì, óc phê phán, nâng cao niềm tin và năng lực bản thân.

2. Thực trạng việc tự học tiếng Anh của sinh viên lớp tiếng Anh 38

Qua kết quả điều tra tình hình tự học môn tiếng Anh của 29 sinh viên lớp tiếng Anh 38 (bao gồm: 10 câu hỏi), chúng tôi nhận thấy rằng tuy sinh viên đã ý thức được tầm quan trọng của việc tự học, có động cơ học tập rõ ràng và có khái niệm ban đầu khá chính xác về tự học, nhưng đại đa số chưa biến động cơ thành hoạt động học tập tích cực và chưa có cách tự học hiệu quả. Tuy nhiên, thực tế phải nhìn nhận rằng sinh viên chưa tìm được giải pháp tự học có hiệu quả. Dưới đây là kết quả thống kê số liệu điều tra:

a. Bảng 1: Nhận thức của sinh viên về vai trò tự học

Vai trò của tự học	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Rất quan trọng	9	31,03%
b. Quan trọng	20	68,97%
c. Không quan trọng	0	0%
d. Ý kiến khác	0	0%

Có khoảng 31,03% tỉ lệ số sinh viên nhận thức được vai trò của việc tự học tiếng Anh là rất quan trọng. Số còn lại thì cho rằng tự học tiếng Anh chỉ ở mức quan trọng chiếm tỉ lệ cao 68,97%. Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng các bạn sinh viên đều ý thức được tính tất yếu của việc tự học tiếng Anh.

b. Bảng 2: Nhận thức của sinh viên về khái niệm tự học

Theo bạn, tự học là học	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Không có sự hướng dẫn của giáo viên.	1	3,45%
b. Vẫn có sự hướng dẫn của giáo viên.	3	10,35%
c. Là tìm tòi, nghiên cứu cùng với bạn bè	21	72,41%
d. Ý kiến khác	4	13,79%

Có đến 72,41% số sinh viên cho rằng cách học hiệu quả là tìm tòi, nghiên cứu cùng với bạn bè trong khi đó có 10,35% số sinh viên cho rằng tự học là vẫn có sự hướng dẫn của giáo viên và 3,45% số ít sinh viên nghĩ rằng tự học là không có sự hướng dẫn của giáo viên. Một số ý kiến khác còn lại thì cho rằng tự học là tổ hợp 2 ý kiến a & c, b & c. Điều này chứng tỏ các bạn sinh viên chưa xác định được chính xác nguyên tắc tự học của tự học.

c. Bảng 3: Tỉ lệ sinh viên tìm đến giảng viên để được tư vấn về cách học

Bạn có tìm đến giáo viên để nhờ tư vấn khi gặp khó khăn trong lúc học tiếng Anh?	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Có	19	65,52%
b. Không	10	34,48%

Lý do không đến tìm đến giáo viên (34,48% sinh viên) để được tư vấn đa số là do các bạn nghĩ rằng mình có thể hỏi bạn bè hoặc tự tìm tòi, giải quyết vấn đề của mình qua sách, mạng Internet sẽ nhanh hơn (chiếm 24,42%), và số còn lại là do ít có thời gian, cơ hội gặp gỡ giáo viên để trao đổi (chiếm 10,06%).

d. Bảng 4: Tỉ lệ sinh viên nhận xét về tính hiệu quả việc tự học tiếng Anh của bản thân.

Bạn có đang tự học tiếng Anh một cách có hiệu quả?	Số lượng	Tỉ lệ (%)
a. Có	9	31,03%
b. Không	20	68,97%

Tỉ lệ số sinh viên tự nhận xét về tính hiệu quả của việc tự học tiếng Anh của bản thân không hiệu quả chiếm tỉ lệ rất cao 68,97% trong khi đó chỉ có 31,03% số còn lại là đã có thể tự học tiếng Anh hiệu quả.

3. Nguyên nhân sinh viên chưa tự học tiếng Anh hiệu quả

Từ kết những thực trạng trên, chúng ta có thể thấy rằng hầu hết các bạn sinh viên lớp tiếng Anh 38 chưa thể tự học tiếng Anh một cách có hiệu quả là do một số nguyên nhân sau đây:

3.1 Nguyên nhân chủ quan

a) Chưa có phương pháp tự học đúng đắn

Đây là nguyên nhân chính có ảnh hưởng đến khả năng tự học của các bạn. Đa số các bạn chưa có kĩ năng học ngoại ngữ. Cụ thể, khi học tự vựng tiếng Anh đa số sinh viên chỉ ghi nghĩa tiếng Việt bên cạnh (chiếm 41,38%), thay vì phải biết kết hợp các cách ghi nhớ khác như tìm từ liên quan (family words), đặt câu v.v. Chỉ có 10,35% số sinh viên biết kết hợp các cách ghi nhớ để học từ vựng mới một cách hiệu quả.

a) Bạn học tiếng Anh chỉ để vượt qua các kỳ thi

Đây là nguyên nhân chính khiến nhiều bạn học tiếng Anh hoài mà vẫn không sử dụng được tiếng Anh. Bạn học để đối phó với thầy cô, học để kiểm tra được điểm cao, để đậu tốt nghiệp... Bạn thường cố gắng học thật nhiều từ vựng, biết thật nhiều ngữ pháp, nghe thật nhiều bài nghe tiếng Anh khác nhau... Bạn muốn học cho nhanh hết giáo trình, nhanh qua bài mới. Cuối cùng bạn học thì nhiều, nhưng nhớ và sử dụng được thì không bao nhiêu cả. Để sử dụng được tiếng Anh, bạn không chỉ học kiến thức tiếng Anh mà phải biến kiến thức thành kỹ năng bằng cách hiểu thật sâu kiến thức và sử dụng nhiều lần, nếu không bạn sẽ rơi vào tình trạng “học nhiều nhưng cái gì cũng không nhớ”.

b) Thiếu kiên trì

Khẳng định 100% rằng không ai giỏi tiếng Anh chỉ sau dăm bữa nửa tháng. Bạn cần phải trải qua quá trình học và sử dụng thường xuyên. Một số bạn thất bại khi học tiếng Anh không phải do họ không có khả năng, mà là do họ không có động lực để tự mày mò, học hỏi đôi khi các bạn quên mất mục tiêu tự học mà mình đề ra, điều này vô tình biến việc tự học tiếng Anh thành một gánh nặng khiến các bạn dễ nản chí. Bên cạnh đó, sự lười biếng, chưa biết thu xếp cuộc sống khi phải sống trong một môi trường mới, xa nhà, không có người thân bên cạnh hỗ trợ, góp ý, thúc giục cũng khiến cho “bệnh lười” của sinh viên được dịp phát huy.

3.2 Nguyên nhân khách quan

a) Không được hướng dẫn bài bản

Đa số các bạn sinh viên chưa tự học tiếng Anh hiệu quả còn do các bạn chưa được hướng dẫn bài bản và thiếu định hướng. Bạn không biết phân phối bài học như thế nào, không biết nên học cái gì trước, cái gì sau. Do vậy, bạn thường bắt đầu với một bài học bất kỳ nào đó như: từ vựng hoặc ngữ pháp, hoặc phát âm, nghe, nói... hoặc quá nhiều thứ bạn không biết bắt

đầu như thế nào. Để việc tự học của sinh viên đạt hiệu quả thì vai trò hướng dẫn của giáo viên là vô cùng cần thiết, tuy nhiên sinh viên vẫn chưa chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của giáo viên.

b) Cơ sở vật chất

Thư viện trường, phòng trung tâm nguồn của khoa ngoại ngữ chưa đáp ứng được nhu cầu học tiếng Anh của sinh viên về số lượng và loại sách học tiếng Anh (không có sách, tài liệu Toeic, chưa có đủ tài liệu tiếng Anh cơ bản và phân ngành), thiếu băng đĩa để luyện kỹ năng cũng như trang thiết bị cho việc học tiếng Anh chưa được đầu tư đúng mức.

4. Một số giải pháp tự học nhằm bồi dưỡng và nâng cao trình độ tiếng Anh

Để có thể tự học tiếng Anh đạt hiệu quả đòi hỏi bạn phải có tính kỷ luật thật cao và thật sự nỗ lực cố gắng. Dưới đây là một số giải pháp giúp bạn tự học tiếng Anh một cách hiệu quả:

4.1. Đặt ra mục tiêu rõ ràng

Các bạn nên đặt cho mình câu hỏi trước khi làm một việc gì đó. Ví dụ: lý do mình học từ vựng Toeic để làm gì? Hoàn thành xong việc này mình muốn đạt được cái gì?.... Việc xác định những điều này sẽ thôi thúc bạn cố gắng hơn, không dễ bị chán nản và buông xuôi kể cả khi gặp khó khăn, những mục tiêu đã đề ra sẽ quay lại thúc đẩy bạn tiến lên để hoàn thành công việc. Ngoài ra các bạn cũng nên chủ động hơn trong việc tìm các đến giảng viên để được tư vấn, hỗ trợ khi gặp khó khăn trong quá trình học để đảm bảo cho việc tự học đạt hiệu quả.

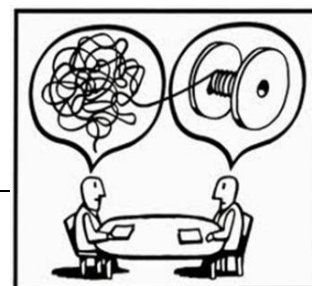
4.2. Lựa chọn phương pháp tự học phù hợp và nhẫn nại

Bạn không thể cứ ngồi vào bàn ghi ghi chép chép hay cầm quyển sách lên đọc, lên mạng tìm kiếm tài liệu là bạn đã có lượng kiến thức như mình mong muốn. Việc học một ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng không đơn giản như vậy. Để có được những kiến thức hay, bổ ích bạn phải có phương pháp tự học một cách khoa học. Tuy nhiên, mỗi người có một cách học khác nhau do đó đừng cố áp dụng phương pháp của người khác vào mình rồi ép bản thân phải làm theo. Nếu phương pháp bạn đang áp dụng không mang lại hiệu quả hãy tìm ra phương pháp phù hợp cho bản thân để việc học không gây chán nản cho bạn. Để làm được như vậy bạn cần phải kiên trì, nhẫn nại, đừng vội chán nản, lo lắng khi đã bỏ ra quá nhiều thời gian nhưng kết quả không thu lại được bao nhiêu. Một số gợi ý dưới đây sẽ có thể giúp bạn tìm ra phương pháp tự học phù hợp và tạo được hứng thú khi học:

- Đảm bảo không gian học tập thoáng mát, thoải mái, gọn gàng để tạo hứng thú cho việc học (chậu cây, hồ cá nhỏ, bức tranh...) khiến đầu óc thoải mái hơn khi căng thẳng.
- Lựa chọn thời gian học phù hợp: hãy thử học ở nhiều thời điểm khác nhau và khi nào thấy khoảng thời gian thích hợp nhất thì bạn sẽ cố gắng tập trung học ở thời điểm đó. Nếu không thể tập trung thì không nên cố, lúc này nên cân bằng lại bằng cách nghe một bản nhạc ngắm cây cối hay đọc một mẫu tin tức.
- Sắp xếp các môn học hợp lý: Nên học đan xen các môn học với nhau trong khoảng thời gian dài. Ví dụ: các bạn có thể học kỹ năng nghe (listening) trước để đảm bảo cho đầu óc thoải mái sau đó đến từ vựng (vocabulary), kỹ năng nói (speaking) và cuối cùng là kỹ năng viết (writing). Việc này sẽ giúp não bộ duy trì được sức bền và bạn sẽ thấy không bị nhàm chán mà thấy hứng thú hơn.

4.3. Nghe ngấm – Deep listening

Đây là cách học tiếng Anh mang lại kết quả cho tất cả kỹ năng nghe – nói – phát âm mà lại hết sức thoải mái, không gò bó, phù hợp với những người có ít thời gian để tự học. Các bài nghe có thể copy



vào các thiết bị di động, nghe ở mọi nơi, mọi lúc. Cách học ngôn ngữ hết sức tự nhiên, người nghe “thả lỏng” để âm thanh, ngữ điệu ngấm vào đầu, làm quen dần dần, sau đó bắt chước lại. Thời điểm “ngấm” tốt nhất là trước khi đi ngủ và sáng khi mới thức dậy. Nếu kiên trì, bỏ mỗi ngày 30 phút, bạn sẽ thấy ngạc nhiên và ngỡ ngàng về sự tiến bộ nhận được.

4.4. Kỹ thuật đọc tự do

Đây là cách tự học từ vựng, cấu trúc một cách hiệu quả và tự nhiên nhất. Đầu tiên, người tự học cần chọn nguồn tài liệu thuộc phạm vi quan tâm (có thể là truyện, tiểu thuyết, sách tham khảo...) để đảm bảo tính hứng thú học lâu dài. Mỗi ngày dành khoảng 30 phút để đọc và tra từ một cách thoải mái tự nhiên, đều đặn. Khi đó, có những từ sẽ xuất hiện với tần suất cao trong bài viết, thì chúng ta sẽ gặp – đọc nhiều lần và sẽ nhớ lâu, đây chính là vốn từ phổ dụng hữu ích chúng ta cần nhớ. Đối với những nhóm từ xuất hiện không nhiều lần, đó chính là những từ ít được sử dụng, và chúng ta nên quên nó đi cho nhẹ đầu. Bằng cách đọc chọn lọc một cách tự nhiên và nhẹ nhàng như vậy, chúng ta sẽ tiếp cận và ghi nhớ được vốn từ vựng cốt lõi – thông dụng – đúng như những gì chúng ta cần học.

4.5. Một số giải pháp khác

- Tham gia các câu lạc bộ tiếng Anh: CLB nói tiếng Anh của VATC được tổ chức hàng tháng hoặc các bạn có thể tự tổ chức một câu lạc bộ tiếng Anh nhỏ hàng tuần và khuyến khích những bạn khác cùng tham gia.

- Tham gia các diễn đàn tiếng Anh trực tuyến qua mạng Internet để giao lưu, học hỏi, chia sẻ những kinh nghiệm học tiếng Anh với các bạn ở khắp mọi miền nước Việt Nam cũng như trên toàn thế giới.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Có thể nói rằng tự học là một trong những kỹ năng rất cần thiết trong việc học ngoại ngữ nói chung và học tiếng Anh nói riêng. Chỉ có thể bằng con đường tự học sinh viên mới có thể dễ dàng nắm bắt kiến thức tốt hơn và vì thế việc học trở nên hiệu quả hơn. Thế nhưng, tự học là một quá trình nhận thức không dễ để nắm bắt và là vấn đề khá phức tạp; và nếu hiểu không đúng sẽ có thể dẫn đến việc quản lý không phù hợp và kết quả không như mong đợi. Hy vọng với những giải pháp mà chúng tôi đưa ra trong bài viết này sẽ giúp không ích cho các bạn sinh viên lớp tiếng Anh 38 có thể thiết lập cho mình một phương pháp tự học tiếng Anh một cách thật hiệu quả và có thể biến nó thành một công cụ hữu ích cho những công việc học tập khác sau này. Tuy nhiên, nếu không có sự nỗ lực thay đổi và phối hợp tốt từ phía sinh viên, giảng viên và nhà trường, thì việc tự học tiếng Anh ở trường chỉ dừng lại ở những chủ trương hay yêu cầu nằm trên văn bản và sinh viên của chúng ta sẽ còn phải chật vật để theo kịp sinh viên các nước trên thế giới.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với sinh viên

- Tăng thời gian tự học tiếng Anh ở nhà.
- Hợp nhóm, tổ chức các buổi nói chuyện trao đổi học tập kinh nghiệm với bạn bè, giảng viên.
- Cần coi việc được giáo viên tư vấn hỗ trợ về vấn đề đang tự học, tự nghiên cứu là quyền lợi của người học và thấy được tính ưu việt của hoạt động này.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết trong việc thực hiện nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu. Làm bài tập theo các yêu cầu (hoặc tiêu chí đánh giá) của giảng viên, tranh thủ những ý kiến góp ý của bạn bè.

2.3. Đối với giảng viên

- Giúp sinh viên đặt ra mục tiêu học tập và chọn các hoạt động học tập phù hợp.
- Cung cấp tài liệu, giới thiệu và hướng dẫn sinh viên địa chỉ tìm tài liệu tiếng Anh tối thiểu mà sinh viên cần đọc.
- Tạo không khí, môi trường lớp học thân thiện, cởi mở, tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp xúc với giảng viên một cách dễ dàng và nhận các tư vấn cần thiết.
- Giảng viên thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong suốt quá trình của môn học thông qua các hình thức kiểm tra đa dạng như bài tập cá nhân hoặc bài tập nhóm phù hợp với đặc thù môn tiếng Anh.

4.2.3. Đối với nhà trường

- Nhà trường cần có đầu tư hơn nữa về trang thiết bị để học ngoại ngữ cũng như có kế hoạch đào tạo và hỗ trợ thêm cho giáo viên trong việc giảng dạy.
- Bổ sung thêm tài liệu tiếng Anh vào thư viện của trường, phòng trung tâm nguồn của khoa các tài liệu tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành phù hợp với từng ngành đào tạo.
- Sinh viên cũng cần được tạo thêm điều kiện để sử dụng các phương tiện kỹ thuật như máy vi tính, mạng Internet... để việc tự nghiên cứu, tự học tiếng Anh có hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Holec, H (1981). *Autonomy in Foreign Language Learning*. Oxford: Oxford University Press.
2. Little, D (1991). *Learner Autonomy : Drawing together the Threads of Self – Assessment, Goal-Setting and Reflection*.
(http://www.ecml.at/mtp2/Elp_tt/Results/DM_layout/00_10/06/06%20Supplementary%20t%20ext.pdf)
3. Benson, P (http://en.wikipedia.org/wiki/learner_autonomy)

Appendix

BẢNG CÂU HỎI ĐIỀU TRA

Nhằm giúp đánh giá đúng về tình hình tự học tiếng Anh ở lớp tiếng Anh 38, bạn vui lòng trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào các chữ cái hoặc cho ý kiến của bạn.

1. Theo bạn, vai trò tự học ở trường cao đẳng, đại học là
 - a. Rất quan trọng
 - b. Quan trọng
 - c. Không quan trọng
 - d. Ý kiến khác: _____
2. Tự học
 - a. có nghĩa là học không có sự hướng dẫn của giáo viên.
 - b. là học vẫn có có sự hướng dẫn của giáo viên.
 - c. là tìm tòi, nghiên cứu cùng với bạn bè
 - d. ý kiến khác: _____

3. Cách tự học hiệu quả là
 - a. Học một mình
 - b. Học với một bạn khác
 - c. Học trong nhóm
 - d. ý kiến khác: _____
4. Bạn thường dành bao nhiêu thời gian để tự học tiếng Anh
 - a. ít hơn 2 giờ
 - b. 2 giờ
 - c. hơn 2 giờ
 - d. ý kiến khác: _____
5. Theo bạn, trong quá trình dạy và học tiếng Anh người nắm vai trò chủ đạo là
 - a. Sinh viên
 - b. Giảng viên
 - c. Cả sinh viên và giảng viên
 - d. ý kiến khác: _____
6. Động cơ học tiếng Anh của bạn ở trường cao đẳng sư phạm là
 - a. Vượt qua kỳ thi hết môn với số điểm cao.
 - b. Trở thành một giáo viên dạy giỏi
 - c. Đi du học.
 - d. Ý kiến khác: _____
7. Khi học một từ vựng tiếng Anh mới, cách mà bạn học là
 - a. Ghi nghĩa tiếng Việt bên cạnh.
 - b. Tìm các từ liên quan (family words – danh từ, động từ, tính từ, trạng từ).
 - c. Đặt câu với từ đó.
 - d. Ý kiến khác: _____
8. Bạn có thường tìm đến giáo viên để nhờ tư vấn khi gặp khó khăn trong lúc học tiếng Anh?
 - a. Có Lý do: _____
 - b. Không Lý do: _____
9. Thư viện, phòng trung tâm nguồn của khoa ngoại ngữ ở trường bạn đáp ứng được nhu cầu học tiếng Anh của bạn?
 - a. Có Lý do: _____
 - b. Không Lý do: _____
10. Bạn hiện đang có thể tự học tiếng Anh một cách có hiệu quả?
 - a. Có Lý do: _____
 - b. Không Lý do: _____

Câu hỏi		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
Câu 1	a	0	0	
	b	9	31,03	
	c	20	68,97	
	d	0	0	
Câu 2	a	1	3,45	
	b	3	10,35	
	c	21	72,41	
	d	4	13,79	
Câu 3	a	4	13,79	
	b	9	31,05	
	c	15	51,72	
	d	1	3,44	
Câu 4	a	4	13,79	
	b	15	51,72	
	c	10	34,49	
	d	0	0	
Câu 5	a	12	41,38	
	b	0	0	
	c	17	58,62	
	d	0	0	
Câu 6	a	3	10,35	
	b	22	75,86	
	c	1	3,44	
	d	3	10,35	
Câu 7	a	12	41,38	
	b	10	34,48	
	c	4	13,79	
	d	3	10,35	
Câu 8	a	19	65,52	
	b	10	34,48	
Câu 9	a	9	31,03	
	b	20	68,97	
Câu 10	a	9	31,03	
	b	20	68,97	

THAM LUẬN 3**PHƯƠNG PHÁP HỌC MÚA ĐỐI VỚI SINH VIÊN (KHÔNG CÓ NĂNG KHIẾU)
KHOA GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY NINH****Tác giả : Trần Thị Bích Trâm****Lớp : Mầm non 38****GVHD : CN. Lý Thị Mến****I. Lý do chọn đề tài.**

Mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non là giúp trẻ phát triển toàn diện trên cả 5 lĩnh vực phát triển: nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội và thẩm mỹ. Một trong những hoạt động được chú trọng trong trường mầm non đó là hoạt động giáo dục âm nhạc (ca hát, nghe hát – nghe nhạc, vận động theo nhạc – múa, trò chơi âm nhạc). Đây là hoạt động góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho trẻ. Âm nhạc và Múa luôn song hành cùng nhau. Nếu như âm nhạc giúp cho trẻ nhỏ thông minh hơn thì những điệu múa sẽ giúp cho trẻ khéo léo, mềm mại và duyên dáng hơn. Vì thế, ngành học mầm non đã và đang quan tâm đến việc đưa nghệ thuật múa vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ và múa được xem như một phương tiện giáo dục hữu hiệu nhất.

Là giáo viên Mầm non trong tương lai, chúng tôi được học môn “Âm nhạc và Múa” (Âm nhạc 45 tiết + Múa 15 tiết) ngay học kỳ đầu tiên của toàn khoá học để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp sau này. Nhưng với thời lượng quá ít (15 tiết), thêm vào đó là sự ngỡ ngàng, mới lạ khi tiếp cận với nghệ thuật múa nên bản thân tôi gặp không ít khó khăn. Sau khi hoàn thành học phần Âm nhạc và múa, tôi đã rút ra được một số phương pháp học tốt để chia sẻ cùng các bạn sinh viên khóa sau. Đó là lí do tại sao tôi chọn viết về đề tài: “PHƯƠNG PHÁP HỌC MÚA ĐỐI VỚI SINH VIÊN NĂM NHẤT KHOA GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY NINH”.

II. Nội dung.**1. Tìm hiểu chung về nghệ thuật “Múa”.****1.1 Múa là gì?**

Múa là môn nghệ thuật phản ánh các hiện tượng của cuộc sống con người thông qua ngôn ngữ là động tác, điệu bộ, hình dáng chuyển động được hòa quyện trong tiết tấu, giai điệu âm nhạc. Nghệ thuật múa luôn kết hợp chặt chẽ với âm nhạc, tạo hình và văn học.

1.2. Một số kỹ năng cơ bản của kỹ thuật múa.**1.2.1. Kỹ năng mô phỏng.**

Nếu không có kỹ năng mô phỏng sẽ không thể hoạt động múa được ; tiếp thu múa chủ yếu bằng cách bắt chước : đó là nhìn người khác làm rồi bắt chước làm theo . Do đó đòi hỏi người học múa phải bắt chước nhanh trên bình diện kh ái quát sau đó mới đi vào phân tích , phân biệt các góc độ tiếp cận được . Có kỹ năng mô phỏng tốt sẽ thuận lợi trong việc thực hiện các kỹ năng tiếp theo, kỹ năng mô phỏng phụ thuộc lớn vào vào khả năng bẩm sinh mà ta gọi i là **năng khiếu**.

1.2.2. Kỹ năng khống chế và điều khiển cơ bắp.

Kỹ năng không chế điều khiển các cơ bắp và điều khiển toàn bộ hình thể trong hoạt động múa. Động tác múa có hồn hay không chính là ở khả năng , kỹ năng không g che. Muốn có kỹ năng không chế phải rèn luyện, điều khiển cơ bắp theo đúng ý muốn và mục đích thể hiện.

1.2.3. Kỹ năng mềm dẻo

Mềm dẻo đôi khi được quan niệm như thuộc tính của Múa . Nếu kỹ năng không chế hầu như phải qua rèn luyện thì kỹ năng mềm dẻo gần với tính bẩm sinh . Tuy nhiên kỹ năng mềm dẻo cũng là sự phát triển của kỹ năng không chế , do cấu tạo của hệ xương , tỉ lệ chênh lệch sự mềm dẻo ở cơ thể mỗi người mỗi khác , song nhờ rèn luyện kỹ năng mềm dẻo sẽ trở nên tốt hơn.

1.2.4. Kỹ năng mở.

Kỹ năng mở là sự hoạt động linh hoạt về biên độ của các khớp . Kỹ thuật múa cổ điển châu Âu và hiện đại đòi hỏi rất nhiều về độ mở . Múa Việt Nam yêu cầu độ mở ít hơn , nhưng biên độ hoạt động của các khớp để xây dựng các động tác vẫn đòi hỏi mở rộng và linh hoạt về các hướng. Người múa phải kiểm soát được sự hoạt động của các khớp thì mới có khả năng điều khiển được các biên độ.

1.2.5. Kỹ năng nhảy.

Nâng được toàn bộ trọng lượng cơ thể (thân hình) lên khỏi mặt đất là nhờ sức bật . Mặc dù nhảy trong Múa bao hàm nhiều nghĩa song nghĩa cụ thể là bứt mình lên khỏi mặt sàn . Kỹ năng nhảy đòi hỏi phải biết lấy đà (nhún đầu gối) bật lên thẳng , khi hạ xuống phải nhẹ nhàng – thẳng bằng . Muốn được như vậy phải có trình tự , khi xuống phải từ mũi chân đến bàn chân đến tiếp sàn tạo sự mềm mại (nhún đầu gối). Muốn đạt được kỹ năng nhảy cũng phải có một quy trình rèn luyện để đạt được sự phối hợp nhịp nhàng uyển chuyển .

1.2.6. Kỹ năng quay.

Trong múa thường có những động tác quay và xoay , đó là sự hoạt động linh hoạt về biên độ của các khớp, người múa phải kiểm soát được sự hoạt động của các khớp , phải có khả năng điều khiển được toàn bộ cơ thể ở các biên độ khác nhau theo đòi hỏi của nội dung hành động trong tác phẩm. Để có thể quay được phải xác định hướng và độ (quay cả vòng hay nửa vòng , ¼ vòng) chuyển động từ đâu đến đâu... vậy biết kết hợp kỹ năng giữa tay , chân, đầu, vai vận động toàn bộ cơ thể cần phải có một quá trình luyện tập thường xuyên mới đạt đến mức điêu luyện.

1.3 Một số động tác múa cơ bản.

- Sáu thế tay, chân cơ bản.
- Động tác múa dân tộc Kinh.
 - + Hái đào một tay.
 - + Hái đào hai tay.
 - + Vuốt – guộn – đuổi.
 - + Đi thường.
 - + Đi lướt.
- Động tác múa một số dân tộc khác.
 - + Dân tộc Mông: đi xúng xính, vòng khăn, đi ngang tung khăn.
 - + Dân tộc Tây Nguyên: đi rung, sát cong.
 - + Xòe – dân tộc Thái.

1.4 Vai trò của môn nghệ thuật múa.

1.4.1 Vai trò của nghệ thuật múa đối với con người trong xã hội.

- Nghệ thuật múa phản ánh mọi mặt của đời sống xã hội: những tâm tư tình cảm và các phong tục tập quán cùng các nét sinh hoạt của các dân tộc Việt.
- Mặt khác, nghệ thuật múa còn tái tạo thiên nhiên như: hoa, chim, mây, gió, nước,...
- Nghệ thuật Múa góp phần cải tạo xã hội, giáo dục con người.

1.4.2 Vai trò của nghệ thuật múa đối với trẻ trong trường mầm non.

- Nghệ thuật múa góp phần hình thành toàn diện nhân cách của trẻ, là phương tiện để giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, trí tuệ, thể chất cho trẻ.
- Múa giúp trẻ diễn đạt cảm xúc trong lòng bằng hình thể, cử chỉ, hành vi và thái độ.
- Đặc biệt, múa giúp trẻ phát triển cảm giác nhịp điệu, trẻ nhạy cảm hơn với âm nhạc.

2. Thực trạng học múa của sinh viên năm nhất Khoa giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh.**2.1 Thực trạng.**

Như đã nói trên, “Múa” là hoạt động rất quan trọng và cần thiết đối với trẻ mầm non nói riêng và sinh viên mầm non nói chung. Nhưng với thời lượng 15 tiết quá ít ỏi thì việc dạy, học của giảng viên cũng như sinh viên lớp Cao đẳng Mầm non 39B như thế nào? Để tìm hiểu về thực trạng học múa của sinh viên, chúng tôi tiến hành thu thập thông tin với mẫu khảo sát 36 đối tượng sinh viên của lớp CĐMN39B

*** Tiến hành khảo sát:**

Câu hỏi 1: Theo bạn, môn múa có quan trọng đối với ngành, nghề hay không?

Kết quả thu được: Câu trả lời có chiếm 12/36, chiếm 33,3%.

Bảng 1:

Môn múa có quan trọng đối với ngành, nghề hay không?	
Có	Không
12/36 chiếm tỉ lệ 33,3%	24/36 chiếm tỉ lệ 66,7%

Từ số liệu này cho thấy số ít sinh viên nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của môn múa. Có đến 66,7% sinh viên chưa quan tâm đến việc học múa.

Câu hỏi 2: Theo bạn, múa có quan trọng đối với trẻ mầm non hay không?

Kết quả thu được: Câu trả lời có chiếm 20/36, chiếm 55,6%.

Bảng 2:

Múa có quan trọng đối với trẻ mầm non hay không?	
Có	Không
20/36 chiếm tỉ lệ 55,6%	16/36 chiếm tỉ lệ 44,4%

Từ số liệu này cho thấy các bạn sinh viên vẫn còn một số đông chưa quan tâm tìm hiểu về vai trò của bộ môn múa đối với sự phát triển của trẻ nên chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn: học múa cho xong, không cần tích lũy vốn ngôn ngữ múa để dạy trẻ sau này.

Câu hỏi 3: Trước khi vào học tại trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh, bạn có từng tham gia hoạt động múa hát không?

Kết quả thu được:

Bảng 3:

Trước khi vào học tại trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh, bạn có từng tham gia hoạt động múa hát không?	
Có	Không

7/36 chiếm tỉ lệ 19,4%	29/36 chiếm tỉ lệ 80,6%
------------------------	-------------------------

Là sinh viên năm nhất nên các bạn còn bỡ ngỡ với các môn học mới ở trường Sư phạm, đồng thời các bạn có khả năng múa tốt chỉ chiếm 19,4% nên so với mặt bằng chung thì đa số các bạn chưa có vốn ngôn ngữ múa vì thế việc tiếp cận với môn học “Âm nhạc và Múa” là vô cùng khó khăn.

Câu hỏi 4: Sau khi học xong 15 tiết múa, các bạn đã nắm vững được các động tác múa cơ bản chưa?

Kết quả thu được: Câu trả lời có chiếm 15/36, chiếm 41,7%.

Bảng 4:

Sau khi học xong 15 tiết múa, các bạn đã nắm vững được các động tác múa cơ bản chưa?	
Có	Không
15/36 chiếm tỉ lệ 41,7%	21/36 chiếm tỉ lệ 58,3%

Như vậy, phần đông các bạn vẫn chưa nắm vững các động tác căn bản (chiếm 58,3%) nên việc tập luyện thêm ở nhà còn hạn chế.

Câu hỏi 5: Bạn là người có năng khiếu hay không?

Kết quả thu được: Theo khảo sát thì 8/36 bạn có năng khiếu (chiếm 22,2%).

Bảng 5:

Bạn là người có năng khiếu hay không?	
Có	Không
8/36 chiếm tỉ lệ 22,2%	28/36 chiếm tỉ lệ 77,8%

Nhìn vào bảng 5, ta thấy một con số khá khiêm tốn (chỉ 22,2%) các bạn có năng khiếu. Hầu hết các bạn sinh viên không có năng khiếu nên việc tiếp cận với nghệ thuật múa là vô cùng khó khăn.

Câu hỏi 6: Theo bạn năng khiếu có quan trọng đối với việc học múa hay không? Vì sao?

Kết quả thu được:

Bảng 6:

Năng khiếu có quan trọng đối với việc học múa hay không?	
Có	Không
31/36 chiếm tỉ lệ 86,1%	5/36 chiếm tỉ lệ 13,9%

Câu trả lời cho rằng năng khiếu không quan trọng đối với việc học múa chỉ chiếm 5/36 bạn (chiếm 13,9%). Các bạn có câu trả lời này cho rằng việc học múa không nhất thiết đòi hỏi phải có năng khiếu, chỉ cần các bạn thường xuyên, chăm chỉ luyện tập nhiều thì có thể múa tốt. Còn phần đông các bạn còn lại đều cho rằng tôi không có năng khiếu nên tôi không thể múa được, cơ thể tôi cứng nhắc, không mềm mại, linh hoạt nên chỉ có thể thực hiện tương đối các động tác cơ bản còn không thể thực hiện được những động tác múa có yêu cầu cao.

Câu hỏi 7: Bạn gặp phải khó khăn gì khi học múa?

Kết quả thu được :

Bảng 7:

Bạn gặp phải khó khăn gì khi học múa?	
Phòng tập không được rộng.	31/36 (86,1%)

Thời gian học quá ít (15 tiết) mà động tác cơ bản cần học quá nhiều.	32/36 (88,9%)
Trên lớp chưa nhớ bài, gây khó khăn cho việc tập luyện thêm ở nhà.	27/36 (75%)
Cơ thể, tay chân chưa mềm dẻo nên chưa thực hiện được động tác, nhất là các động tác khó.	28/36 (77,8%)

Nhận xét chung: Qua tìm hiểu thực trạng học múa của sinh viên CĐMN 39B, tôi có nhận định như sau:

- Đa số các bạn sinh viên trẻ có điều kiện tiếp xúc với khoa học kỹ thuật hiện đại nên nguồn tài liệu học tập thêm phong phú, đa dạng. Song, nguồn tài liệu này chưa được các bạn khai thác.

- Theo như quá trình khảo sát và tìm hiểu, tôi nhận thấy đa số các bạn đều nắm chưa vững các động tác múa cơ bản, chưa biết vận dụng các động tác múa cơ bản đã học vào bài tập về nhà.

- Các bạn sinh viên chưa có ý thức tập trung chú ý bài trên lớp.

- Phần lớn sinh viên không có năng khiếu và không được tiếp xúc với các hoạt động múa hát trước đó, nên vốn ngôn ngữ múa của các bạn còn rất ít ỏi.

- Những xa lạ, bỡ ngỡ và ngại ngùng vì lần đầu tiếp xúc với một môn học mới lạ đã khiến các bạn không mạnh dạn, tự tin thực hiện các động tác theo hướng dẫn của giảng viên, chưa bộc lộ được cảm xúc khi biểu diễn các bài tập theo nhóm.

2.2 Nguyên nhân.

*** Khách quan:**

- Phòng học quá nhỏ so với số lượng sinh viên quá đông.

- Thời lượng học quá ít (15 tiết) trong khi đó chương trình cần học lại quá nhiều.

*** Chủ quan:**

- Bản thân các bạn sinh viên còn nhiều bỡ ngỡ, xa lạ với một môn học mới nên chưa có phương pháp học tập hiệu quả.

- Chưa xác định được mục tiêu và động lực học một cách rõ ràng vì các bạn vẫn chưa hiểu được tầm quan trọng và sự cần thiết của môn học đối với bản thân và trẻ mầm non.

- Do tố chất năng khiếu riêng của mỗi người.

- Tâm lý chung của các bạn còn ngại ngùng, chưa mạnh dạn thực hành các động tác múa được học.

3. Phương pháp học môn “Múa” đối với sinh viên năm nhất Khoa giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh.

Năng khiếu là một yếu tố cần thiết và quan trọng nhưng nó không phải là yếu tố quyết định. Do đó nếu các bạn thường xuyên, chăm chỉ luyện tập và có phương pháp học tập đúng đắn thì các bạn sẽ thực hiện được các động tác múa từ cơ bản đến nâng cao. Như vậy, để khắc phục những hạn chế trên chúng ta có thể thực hiện các biện pháp sau:

3.1. Tham khảo tài liệu từ nhiều nguồn trước khi đến lớp.

- Trước hết, chúng ta cần đọc kỹ giáo trình *Múa và phương pháp dạy trẻ múa* để xác định được tầm quan trọng và sự cần thiết của bộ môn đối với ngành, nghề. Điều này chiếm một vị trí rất quan trọng vì khi thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động múa trong quá trình giảng dạy sau này, các bạn sẽ có động cơ và nỗ lực nhiều hơn để đến với múa.

- Tham khảo các tài liệu khác từ thư viện hoặc từ mạng internet trước khi đến lớp. Để khi giảng viên hướng dẫn các bạn có thể nắm bài nhanh và chắc hơn.
- Thường xuyên xem những chương trình văn nghệ trên tivi, mạng internet.
- Có thể quay phim lại những tiết mục văn nghệ trong các chương trình ngoại khóa để có thêm tư liệu học tập phong phú hơn.

3.2. Trò chuyện, trao đổi kinh nghiệm cùng bạn hoặc giảng viên về những tư liệu đã thu nhận được.

Người xưa có câu “Học thầy không tày học bạn”. Vì vậy, nếu chúng ta chưa nắm vững điều gì thì các bạn cần mạnh dạn trò chuyện, tranh luận, học tập kinh nghiệm lẫn nhau để cùng nhau tích lũy vốn ngôn ngữ múa bằng nhiều con đường khác nhau, học ở mọi nơi, mọi lúc có thể. Chẳng hạn: Ngoài giờ học, trong quá trình ôn luyện các bài hát đã học trong phần Âm nhạc thì đồng thời các bạn cũng có thể trao đổi, tranh luận về các động tác cơ bản có thể vận dụng vào bài hát một cách thích hợp. Qua đó, chúng ta có thể củng cố và rèn luyện các động tác múa đã học.

3.3. Thường xuyên luyện tập.

- Trước tiên, bạn cần tập nghe nhạc, đếm được nhịp, phách là điều quan trọng, bởi vì *âm nhạc là linh hồn của múa*. Nếu cảm thụ tốt tác phẩm âm nhạc, chúng ta có thể vận động nhịp nhàng theo nhạc hoặc nảy sinh ý tưởng và thực hiện bài múa từ những chất liệu múa (động tác múa dân gian hoặc mô phỏng các động tác trong cuộc sống) phù hợp với nhạc.

- Thực hành theo nhóm: ngoài giờ học múa, có thể chia lớp thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm đều có bạn múa tốt, nhiệt tình để luyện tập cùng nhau, giúp nhau rèn các kỹ năng múa, tập xây dựng các bài múa theo các loại nhạc khác nhau.

- Tích cực tham gia vào hoạt động văn nghệ của lớp, khoa và trường tổ chức để nâng cao khả năng biểu diễn, khắc phục tâm lý ngại ngùng, mạnh dạn tự tin hơn khi múa. Hiện nay, ngay tại Khoa Giáo dục Mầm non của trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh đã có tổ chức các lớp học múa dân gian. Đây là một điều kiện rất thuận lợi để giúp các bạn được tiếp cận và học hỏi nhiều hơn về nghệ thuật múa.

III. Kết luận.

Để đáp ứng với nhu cầu và sự phát triển lớn mạnh của đất nước Đảng ta đã đặt ra nhiệm vụ phải phát triển nền giáo dục và đào tạo, đặc biệt là luôn quan tâm đến thế giới trẻ thơ. Vì giáo dục mầm non là nền móng sau này cho các bậc học khác, giáo dục mầm non là giáo dục toàn diện: đức, trí, thể, mỹ cho trẻ giúp trẻ phát triển toàn diện. Một trong những hoạt động được chú trọng trong trường mầm non đó là hoạt động giáo dục âm nhạc. Đây là hoạt động góp phần hình thành và hoàn thiện nhân cách cho trẻ.

Hiểu được tầm quan trọng đó, bản thân tôi là một sinh viên năm nhất cũng như các bạn sinh viên khác phải tích cực, nỗ lực nhiều hơn nữa trong học tập; biết tự rèn các kỹ năng múa cơ bản và tích lũy vốn ngôn ngữ múa bằng nhiều con đường khác nhau như: nghe băng, quan sát đĩa, hình vẽ múa; theo dõi các chương trình ca múa nhạc... Đặc biệt, cần quan sát các thao tác, hành động của trẻ trong cuộc sống đời thường để làm cơ sở hướng dẫn trẻ mô phỏng các động tác trong múa và vận động theo nhạc sau này. Hiểu được những khó khăn khi chọn ngành Mầm non mà không có năng khiếu là một thiệt thòi rất lớn. Song, cần cù luôn bù cho năng khiếu đây các bạn. Tôi mong rằng với đóng góp nhỏ nhoi của mình trong bài tham luận này sẽ được các bạn tham khảo và có ý kiến xây dựng để bài viết được hoàn chỉnh hơn.

IV. Kiến nghị:

Ngoài việc nỗ lực cố gắng học tập của sinh viên, sự nhiệt huyết, tận tâm của giảng viên, khoa và trường cần tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập tốt phần múa cơ bản. Cụ thể như sau:

- Nhà trường cần đầu tư cơ sở vật chất như phòng tập múa, trang phục, đạo cụ... để tiết học được thoải mái và sinh động hơn.
- Cần tách múa ra thành một môn học độc lập, tăng số tiết lên nhiều hơn để sinh viên có điều kiện tiếp cận với nghệ thuật múa và có thêm thời gian để giảng viên hướng dẫn một cách từ tốn, tỉ mỉ hơn giúp sinh viên học đến đâu nắm chắc bài đến đó, tránh trường hợp các bạn không có năng khiếu không theo kịp chương trình môn học.
- Có thể chia lớp thành nhóm để giảng viên có thể kèm sát từng sinh viên nhiều hơn nữa.

PHỤ LỤC**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Trần Minh Trí, Múa, NXB ĐHSP, 2005.
2. Trần Minh Trí, Giáo trình múa, NXB ĐHSP, 2007.
3. Trần Minh Trí, Múa và phương pháp vận động theo nhạc, NXB Giáo dục, 1999.
4. Một số trang web mạng.
(<http://lib.tvu.edu.vn/index.php/gt-tvu/khoasp/1301-10351.html>,
<http://khotailieu.com/luan-van-do-an-bao-cao/su-pham/giao-duc-mam-non/mot-so-bien-phap-nang-cao-kha-nang-the-hien-mua-cho-tre-mau-giao-lon.html>).

THAM LUẬN 4

CHIA SẺ VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI THẦY, NGƯỜI CÁN BỘ CÔNG TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Tác giả : Nguyễn Thị Thùy Trang

Lớp : Lý 38

GVHD : Ths. Phạm Văn Hùng

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Nước ta có truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, truyền thống đó vẫn được bảo tồn và phát triển, người giáo viên vẫn luôn được nhân dân yêu mến và ca ngợi. Từ xưa đến nay, trong dân gian ai cũng ghi nhớ câu: “ Không thầy đố mày làm nên”, “ Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Cả đến khi công thành doanh toại, người ta cũng nhắc nhau: “ Mười năm rèn luyện sách đèn, công danh gặp bước chớ quên ơn thầy”.

Ở thời kỳ phong kiến, khi mà tri thức là thầy , thầy là tri thức , thầy có quyền ban phát tri thức cho người học. Thì thời đại ngày nay , tri thức không còn nằm độc quyền trong tay người thầy nữa mà bản thân người học có thể tìm kiếm tri thức ở nhiều nguồn khác nhau, người thầy lúc này chỉ là người cầu nối, người dẫn đường, là một trong những kênh để cung cấp tri thức cho người học.

Do vậy trong thời đại ngày nay, giáo dục luôn được xem là động lực cơ bản thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, vai trò của người giáo viên đặc biệt được coi trọng, chức năng của người giáo viên có nhiều thay đổi và yêu cầu đối với nhân cách người giáo viên cũng ngày càng cao hơn. Bên cạnh đó, người cán bộ công chức là những người đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo thực hiện thành công chính sách giáo dục và nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

Chính vì thế nên tôi chọn nghiên cứu đề tài: “ **Chia sẻ về những vấn đề liên quan đến người thầy, người cán bộ công chức ngành giáo dục**”.

II. NỘI DUNG

1. Sơ lược lịch sử nghiên cứu về vị trí và vai trò của người giáo viên

Đất nước ta luôn tự hào với truyền thống ngàn năm văn hiến. Lịch sử dân tộc ta ghi nhiều trang sử oanh liệt, văn chương và tư tưởng Việt Nam có vẻ đẹp riêng, khoa học kỹ thuật Việt Nam vẫn đúc kết nên những kinh nghiệm nhất định. Tất cả những thành quả ấy là do sức sống, do bản lĩnh của nhân dân, trong đó có phần của những thầy giáo qua các thời đại.

Trong xã hội phong kiến có những người đã từ bỏ chức tước, địa vị cao sang ở chốn quan trường để sống một cuộc đời thanh bạch nhưng cao thượng, làm người giáo viên dạy dỗ con em nhân dân lao động, nêu cao khí tiết và tinh thần dân tộc, yêu nước thương nòi. Thông qua những trường học do họ mở ở các địa phương và với vai trò là những thầy đồ, họ đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao dân trí và đào tạo nhân tài cho đất nước. Những tấm gương thầy giáo tiêu biểu soi sáng muôn đời sau như: Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Đình Chiểu...

Một số thầy giáo đã trở thành những chiến sĩ cách mạng đấu tranh không mệt mỏi cho độc lập

dân tộc và bình đẳng xã hội, tiêu biểu nhất là thầy giáo Nguyễn Tất Thành - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Yêu cầu, vai trò của người giáo viên trong thời đại mới

2.1 Những phẩm chất cần có của người giáo viên trong thời đại mới

➤ Người thầy giáo phải thật sự mẫu mực dạy người, dạy chữ

Nhiệm vụ của người thầy giáo không chỉ là sự truyền bá tri thức, phương pháp, tay nghề cho người học mà thầy giáo cũng như học trò, tất cả đều phải tham gia vào các công việc xã hội một cách thật tích cực.

Ngoài ra, người làm thầy giáo phải luôn là tấm gương không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để làm tấm gương sáng cho học trò noi theo, để đáp ứng yêu cầu của thời đại mới trên mọi phương diện. Đặc biệt là trong bối cảnh khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão hiện nay thì tấm gương tự học của người thầy càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Người thầy giáo luôn tự rèn luyện và trở thành tấm gương sáng về đạo đức cách mạng cho người học noi theo và mọi người nói chung noi theo.

➤ Người thầy giáo cần phải có những phẩm chất: Cái “tâm”, “tài” và “đức” trong nghề dạy học của mình

*** Cái “tâm”:**

Về cái “Tâm” đối với nghề giáo là một yêu cầu quan trọng không thể thiếu được. Người thầy phải có tâm huyết với nghề mới có hứng thú, say mê chăm chút từng bài giảng, từng nội dung tiết giảng; thường xuyên tìm tòi, nghiên cứu, chỉnh lý, bổ sung nội dung và phương pháp giảng dạy để đem lại hiệu quả cao nhất cho người học. Để đạt được thành tích trong công tác, người thầy giáo phải có một phẩm chất - đó là tình yêu nghề.

Cái “Tâm” người thầy giáo tốt không phải chỉ lòng yêu ngành, yêu nghề mà phải được biểu hiện thành những hành động cụ thể:

- Thứ nhất, phải biết hiến thân cho nghề dạy học, biết hi sinh vì lợi ích tương lai, vì học sinh thân yêu.
- Thứ hai, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp. Phải cảm thấy sung sướng, hạnh phúc khi được đứng lớp. Không có thái độ miễn cưỡng khi được phân công lên lớp.
- Thứ ba, luôn tìm tòi, học hỏi, sáng tạo để đem lại chất lượng cao nhất khi giảng dạy, thầy giáo không bị giới hạn không gian (lớp học) và thời gian (08 giờ vàng ngọc), không phải bước ra khỏi lớp học là chấm dứt hoạt động sư phạm mà vẫn tiếp tục suy nghĩ về nội dung, phương pháp giảng dạy, về thái độ tiếp nhận bài học của sinh viên để tự đổi mới.
- Thứ tư, nhiệt tình trong xây dựng đơn vị, chân thành trong giúp đỡ đồng nghiệp.

*** Cái “tài”:**

Về cái “Tài” của người thầy, “Tài” ở đây thể hiện tài năng về trí tuệ và tài năng nghiệp vụ sư phạm. Tài năng sẽ giúp cho người dạy nắm vững và nhuần nhuyễn nội dung hệ thống các kiến thức cơ bản của môn học, khả năng phát hiện vấn đề bổ sung vào nội dung bài giảng; tài năng nghiệp vụ sư phạm thể hiện ở việc áp dụng các phương pháp giảng dạy, khả năng trình bày và khả năng xử lý các tình huống sư phạm trong quá trình giảng dạy. Kết hợp được giữa nội dung và phương pháp sẽ làm cho bài giảng thêm phong phú, sinh động, hấp dẫn và có hiệu

quả cao, làm cho người học hứng thú, say mê, tránh nhàm chán, từ đó chủ động, tích cực nghiên cứu, tìm hiểu trong học tập.

* Cái đức:

Ngoài ra, người thầy còn phải có cái “Đức”, “Đức” là yêu cầu không thể thiếu đối với mỗi giảng viên. Có “Tâm”, có “Tài” cũng chưa là người thầy tốt. Bác Hồ đã từng nói: “Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó, có tài mà không có đức là người vô dụng”. Càng quan trọng đối với lĩnh vực giáo dục, để tạo ra nhân cách người học thì trước hết người thầy phải biết thuyết phục học sinh bằng chính nhân cách của mình.

Muốn xây dựng được nhân cách cho người học, người thầy trước hết phải có “Đức” thể hiện ở thái độ, tác phong chuẩn mực khi thực hiện giảng dạy và trong lối sống, trở thành tấm gương, vừa là người thầy, vừa là người cán bộ ưu tú, chuẩn mực cho người học noi theo. Phải làm sao để mỗi người thầy không những là nhà sư phạm mà còn là nhà mô phạm.

Cái “Đức” của người thầy thể hiện ở sự hi sinh vô tư “tất cả vì học sinh thân yêu”, giúp đỡ người học một cách chân thành, không vì vụ lợi, không phân biệt đối xử, giúp đỡ trong hỗ trợ kiến thức phải đến nơi đến chốn; giúp đỡ không có nghĩa là cho điếm cao, dễ dãi đối với người học trong học tập. Cái “Đức” ấy còn được biểu hiện ở sự kiên quyết đấu tranh chống những cái xấu, cái sai trong xã hội, trong chính bản thân mình và trong đồng sự.

2.2 Vai trò của người giáo viên trong xã hội mới

“Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt - thầy giáo xứng đáng là thầy giáo - là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh”. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: “ Nghề dạy học là một nghề cao quý... nghề dạy học là một nghề sáng tạo vào bậc nhất trong các nghề sáng tạo vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo”.

Ngày nay, những ứng dụng khoa học công nghệ vào quá trình dạy học ngày càng nhiều, các phương tiện kỹ thuật dạy học ngày càng phát triển hiện đại, nhưng chỉ có tác dụng giảm nhẹ sức lao động, tăng thêm năng lực dạy học, giáo dục của giáo viên chứ hoàn toàn không thể thay thế vai trò của họ. Điều đó có thể lý giải rằng giáo viên không chỉ dạy tri thức khoa học, dạy kỹ năng, kỹ xảo; phát triển trí tuệ học sinh mà còn truyền bá cho họ thế giới quan khoa học, lý tưởng, niềm tin đúng đắn, khơi dậy và bồi dưỡng cho họ những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, năng lực sáng tạo của một người công dân. Giáo viên phải giáo dục học sinh về tâm hồn, về đạo lý, công lý... phải thông qua “dạy chữ” mà “dạy người”. Giáo viên phải giáo dục nhân cách học sinh bằng chính nhân cách của mình, cho nên không có máy móc nào hiểu được con người, tác động đến con người sâu sắc bằng chính con người.

Rõ ràng là vai trò của nhà giáo trong thời đại thông tin không hề giảm, mà có cơ hội tăng lên. Tuy nhiên, việc có giữ vững vàng và nâng cao được vị trí đó hay không còn tùy thuộc vào sự phấn đấu của bản thân từng nhà giáo để đáp ứng được yêu cầu của thời đại mới.

3. Vai trò của người cán bộ công chức trong xã hội mới

Nếu vai trò của giáo viên có tầm quan trọng trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo học sinh thì vai trò của người quản lý, người lãnh đạo lại càng quan trọng hơn. Vì vai trò của người cán bộ quản lý ở các nhà trường là định hướng từ việc giáo dục nhận thức, tổ chức triển khai thực hiện các cuộc vận động đến việc giám sát kiểm tra, đánh giá các cán bộ, giáo viên và học sinh của trường mình. Trong bối cảnh thế giới ngày nay, các tác động của quá trình toàn cầu

hóa, bước chuyển sang nền kinh tế tri thức, cuộc cách mạng về công nghệ thông tin và truyền thông đòi hỏi: Giáo dục vừa là động lực cho việc vận hành nền kinh tế tri thức, vừa là hạ tầng xã hội cho việc hình thành xã hội tri thức - đó là nền giáo dục đặt trên cơ sở thích ứng với điều kiện, khả năng và nhu cầu phát triển của xã hội mới; đang tạo ra một bức tranh đa dạng của các hệ thống giáo dục thế giới, nhưng vẫn có sự thống nhất về xu thế vận động và phát triển, đó là: phổ cập hóa giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục, dân chủ hóa giáo dục, thương mại hóa giáo dục, quốc tế hóa giáo dục...; đồng thời tạo ra sức ép cho các hệ thống giáo dục phải có sự thay đổi trong đào tạo - bồi dưỡng và cung cấp cho xã hội những con người có khả năng: làm việc theo nhóm, làm công dân, làm lãnh đạo, năng động và sáng tạo... phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại.

Cán bộ công chức ngành giáo dục có vai trò của người điều hành một hệ thống lớn và phức tạp, đồng thời thực thi các chính sách giáo dục đa dạng và mềm dẻo để giải quyết một cách chủ động và sáng tạo các vấn đề mới nảy sinh như: Phân cấp quản lý, trách nhiệm xã hội, huy động nguồn lực, dân chủ hóa giáo dục, tin học hóa quản lý...

Ngoài ra, cán bộ công chức ngành giáo dục còn có vai trò đổi mới các hình thức tổ chức dạy học:

- Cần xác định rõ công việc của giảng viên và học viên trong quá trình dạy học.
- Thực hiện các hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nguyên tắc và phương pháp dạy học dành cho người lớn: tăng cường tính thực hành, hoạt động tương tác, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề, đánh giá tin cậy, học tập thực địa...

III. KẾT LUẬN

Ngày nay, trước xu thế đổi mới của thế giới - thời đại của khoa học - công nghệ hiện đại. Đất nước Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới - một xã hội công nghiệp, hiện đại, văn minh, công bằng, thì vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, của người giáo viên, của cán bộ công chức ngành giáo dục đã có sự thay đổi cơ bản.

Người giáo viên không chỉ thực hiện chức năng dạy học, giáo dục mà còn là một nhà khoa học, nhà văn hoá, nhà đạo đức, nhà hoạt động xã hội. Trong xã hội hiện đại, thông qua chức năng dạy học và giáo dục, đội ngũ giáo viên có vị trí, vai trò vô cùng quan trọng. Vai trò của đội ngũ giáo viên trong xã hội mới luôn được đánh giá cao, họ là lớp người về vang của đất nước, vì nếu “không có thầy giáo thì không có giáo dục”.

Cán bộ quản lý trường học là người có trách nhiệm và thẩm quyền về mặt hành chính và chuyên môn, đại diện cho Nhà nước về mặt pháp lý, chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý cấp trên để cụ thể hoá các chủ trương, chính sách, Chỉ thị, Nghị quyết trên bằng các Quyết định quản lý, tác động điều khiển các thành tố trong hệ thống nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục được quy định bằng luật pháp hoặc bằng các văn bản do các cấp có thẩm quyền ban hành. Để đáp ứng được vị trí, vai trò và thực hiện tốt nhiệm vụ, đội ngũ cán bộ quản lý ở các phải có đủ những phẩm chất, năng lực cần thiết, chấp nhận sự thay đổi và mạnh dạn đổi mới theo điều kiện thực tiễn.

Từ đó ta thấy vấn đề then chốt, quyết định chất lượng giáo dục là phải xây dựng được một đội ngũ đông đảo những người làm công tác giáo dục yêu nghề, yêu trường, hết lòng thương yêu, chăm sóc, giáo dục học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và đào tạo. Chiến lược phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2002.
2. Lê Khánh Bằng. Yêu cầu mới của thời đại, của đất nước đối với giáo viên và phương hướng đổi mới phương pháp dạy học ở các trường sư phạm. Tạp chí giáo dục 122. Số 9/ 2005.
3. Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010. NXBGD. H 2001.
4. Phạm Minh Hạc. Phát triển giáo dục, phát triển con người phục vụ phát triển xã hội – kinh tế. NXBGDHN 1996.
5. Phạm Minh Hạc. Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI. NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2002.
6. Trần Hồng Quân. Về vai trò của giáo viên và vị trí của hệ thống sư phạm. Tạp chí nghiên cứu giáo dục. Số 3/ 1996 , trang 1 – 2.
7. Lê Công Triêm. Một số vấn đề hiện nay của phương pháp dạy học đại học. NXBGDHN 2002.

THAM LUẬN 5**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN NGŨ VĂN****Tác giả : Nguyễn Thị Hạnh Dung****Lớp : Ngũ Văn 38****GVHD : Ths. Nguyễn Thị Thùy Nhung****I. MỞ ĐẦU****1. Lí do chọn đề tài**

Là sinh viên (SV) Sư phạm Ngũ văn, mục tiêu phấn đấu của chúng tôi là trở thành một thầy giáo dạy văn có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục, có kỹ năng sư phạm, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông. Để đạt được mục tiêu này, trong những tháng ngày ngồi trên ghế nhà trường, ta cần nỗ lực học hỏi, tích lũy những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cùng các kinh nghiệm, kỹ năng dạy học môn Ngũ văn ở THCS, từng bước nâng cao vốn hiểu biết và năng lực nghề nghiệp để có thể vững vàng cầm phấn đứng trên bục giảng sau khi tốt nghiệp ra trường.

Đối với sinh viên, bên cạnh sự hướng dẫn, định hướng cơ bản của giáo viên trên lớp thì việc tự giác học tập, tự tìm tòi, nghiên cứu ở nhà là hết sức quan trọng bởi phần lớn kiến thức tích lũy được là thành quả của những giờ làm việc tích cực, chủ động sau những buổi lên lớp lĩnh hội kiến thức mới. Kiến thức thì mỗi ngày một mới, xã hội ngày càng tiến bộ, hiện đại nên cần đổi mới phương pháp học tập phù hợp với thời đại. Việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào việc học tập sẽ đem lại lợi ích to lớn, giúp nâng cao hiệu quả học tập, từng bước củng cố và rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, làm nền tảng trong tương lai.

CNTT là khái niệm đã quá quen thuộc trong giới trẻ, nhưng việc ứng dụng CNTT vào quá trình học tập thì vẫn còn khá xa lạ với nhiều sinh viên khối ngành khoa học xã hội (nói chung) và sinh viên Ngũ văn ở trường ta (nói riêng). Với mong muốn được chia sẻ những bài học kinh nghiệm bản thân đã đúc kết được trong việc ứng dụng CNTT vào quá trình học tập, tôi đã lựa chọn đi vào nghiên cứu đề tài “Ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả học tập các học phần Ngũ văn”.

II. NỘI DUNG**1. Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động tự học, tự nghiên cứu****1.1. Khái niệm công nghệ thông tin**

Thuật ngữ “*Công nghệ thông tin*” (*Information Technology* - viết tắt là *IT*) chỉ tập hợp các ngành khoa học và công nghệ có liên quan đến vấn đề lưu trữ, truyền tải và xử lý thông tin thể hiện qua máy tính và các phương tiện liên quan.

Ở Việt Nam, khái niệm công nghệ thông tin được hiểu và định nghĩa trong nghị quyết Chính phủ 49/CP ký ngày 04/08/1993: “Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại - chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội”.

1.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động tự học, tự nghiên cứu

Sinh viên có phát huy được năng lực tự học, tự nghiên cứu mới hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức. Chính trong quá trình này, tư duy độc lập, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo được nảy nở và phát triển. Để biến những kiến thức khoa học tích lũy từ nhiều thế hệ của nhân loại thành kiến thức của chính mình đòi hỏi mỗi SV phải tự học, đây là cơ sở để người học có thể học suốt đời, nâng cao trình độ trong cuộc sống.

Để hệ thống, cụ thể hóa kiến thức tích lũy được, đòi hỏi cá nhân mỗi SV phải tự vạch ra cho mình những kế hoạch, hướng đi thích hợp, đáp ứng nhu cầu của bản thân. Ứng dụng CNTT vào quá trình tự học, tự nghiên cứu đang dần phổ biến với SV bởi tính năng hiệu quả chuẩn xác về kiến thức và tính cấp thời về thời gian của nó, góp phần hình thành nhiều hướng đi khác nhau, phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ mỗi người.

Kết nối mạng Internet tạo bước đà phát triển, cung cấp những kiến thức phong phú, đa dạng về nhiều lĩnh vực khoa học xã hội, mang đến cho SV luồng gió mới đầy hiệu quả cả về chất lẫn lượng của kiến thức cần tìm hiểu, khai thác.

Tự học có vai trò rất quan trọng, quyết định kết quả học tập của SV. Chính vì vậy, đòi hỏi mỗi SV cần tích cực, chủ động, độc lập tìm tòi, khám phá để lĩnh hội tri thức bằng chính hành động của bản thân, cần thể hiện rõ tính mục đích, tính kế hoạch cao, có thái độ tích cực và có những kỹ năng tự học nhất định để hoàn thành nhiệm vụ học tập đề ra. Ứng dụng CNTT vào hoạt động tự học, tự nghiên cứu tạo giúp mở rộng chân trời tri thức, kích thích khả năng tư duy, sáng tạo cho SV. Từ đó, SV không những nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn am hiểu những thông tin thời sự, xã hội giúp ích không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng học tập.

CNTT không chỉ là cuốn Bách khoa toàn thư hiện đại mà còn là chất xúc tác, kết dính mọi người với nhau thông qua mạng xã hội. Ở đó, SV có thể tự do trò chuyện, chia sẻ với nhau những thắc mắc, kinh nghiệm mà bản thân học được, cùng nhau cập nhật, trao đổi những thông tin cần thiết cho việc tự học, tự nghiên cứu, từng bước nâng cao trình độ học vấn cho mình.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc học tập các học phần Ngữ văn

2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc học tập các học phần văn học và lí luận văn học

Các học phần văn học và lí luận văn học có lượng kiến thức phong phú với nhiều thuật ngữ chuyên ngành, đòi hỏi SV phải tập trung cao độ, hiểu và ghi nhớ những kiến thức cốt lõi, do vậy việc hệ thống hóa kiến thức là hết sức quan trọng. Bên cạnh đó, SV còn phải rèn luyện và nâng cao năng lực cảm thụ và phân tích tác phẩm văn học. Việc ứng dụng CNTT giúp ích gì cho sinh viên trong việc học tập các học phần này?

** Ứng dụng CNTT để đọc tác phẩm văn học.*

Đối với SV Ngữ văn, việc đọc tác phẩm văn học là một yêu cầu hàng đầu và mang tính bắt buộc. Bởi có đọc tác phẩm thì mới cảm thụ hết nội dung ý nghĩa và cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của ngôn từ văn chương cũng như trải lòng mình với những tâm tư, tình cảm mà tác giả gửi gắm.

Thư viện của Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh thiếu rất nhiều các tác phẩm văn học được giảng dạy trong chương trình Sư phạm Ngữ văn, một số tác phẩm chỉ có vài bản sách. Do vậy, không ít SV đã viện lý do này để bào chữa cho việc không đọc tác phẩm của mình. Đây là hạn chế lớn nhất, phổ biến nhất trong SV Ngữ văn hiện nay.

Để khắc phục điều này, tôi đã tìm đến các thư viện Online trên mạng Internet như VNthuquan.net, VNthuquan.VN, <http://www.thivien.net>, các trang web của Hội Nhà văn Việt Nam (<http://vanvn.net>), Hội Văn học Nghệ thuật Đồng bằng sông Cửu Long (www.vanchuongviet.org),... để đọc trực tuyến các tác phẩm văn học được học trong chương trình, hoặc các tác phẩm được thầy cô giới thiệu, phân tích thêm trong giờ học. Không phải bất kỳ tác phẩm nào cũng có bản online. Thế nhưng khá nhiều tác phẩm nổi tiếng được xem là thành tựu của văn học dân tộc đều có thể tìm thấy trên mạng Internet. Trong quá trình học môn Văn học trung đại I, tôi đã đọc và sưu tầm nhiều bài thơ trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi, Hồng Đức quốc âm thi tập của Lê Thánh Tông và Hội Tao Đàn, thơ Nguyễn Bình Khiêm, Truyền Kỳ mạn lục của Nguyễn Dữ,... từ mạng Internet đáp ứng yêu cầu của giáo viên bộ môn và làm giàu vốn tri thức cho mình. Một tiện ích khác nữa của CNTT là cho phép người đọc có thể dễ dàng chép các tác phẩm cần thiết từ máy tính vào điện thoại di động để đọc vào những lúc rảnh rỗi. SV chúng ta có thể tham khảo thêm một số địa chỉ web thường dùng để đọc trực tuyến như: MaxReading.com, isach.info, dtbokks.com.vn, sach.ncndigital.com, ...

** Ứng dụng CNTT để đọc các giáo trình, tài liệu tham khảo.*

Thông qua mạng Internet, chúng ta có thể tìm đọc các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập các học phần. Với tôi, khi cần tìm kiếm các giáo trình trực tuyến thì website Ebook.edu.VN là lựa chọn hàng đầu. Đây là thư viện giáo trình điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, một kho học liệu trực tuyến mở nên SV sẽ rất dễ dàng tìm cho mình những tài liệu cần thiết. Các file dữ liệu được sắp xếp theo từng ngành khoa học để tiện tra cứu, khai thác. Nếu muốn rút nhanh thời gian tìm kiếm thì đã có ô tìm kiếm, chỉ cần gõ nội dung cần tìm vào là đã có hàng loạt thông tin được hiển thị. Quả thật rất tiện ích cho việc học của SV thời đại ngày nay.

Bên cạnh đó, tôi cũng thường xuyên sử dụng công cụ tìm kiếm Google search (<https://www.google.com.vn>) khi có nhu cầu tìm đọc các bài nghiên cứu phê bình văn học trên mạng Internet. Để có thể nhanh chóng tìm ra tài liệu cần thiết, chúng ta cần chọn lọc, gõ vào ô tìm kiếm những từ khóa (keywords) quan trọng nhất trong nội dung cần tìm. Mặt khác cũng cần ghi nhớ tên các nhà nghiên cứu, các tác phẩm phê bình, bình luận văn học nổi tiếng đã được giáo viên bộ môn giới thiệu để tìm đến với những tài liệu này. Nếu không chúng ta sẽ mất rất nhiều thời gian mầy mò, sàng lọc kho kết quả dữ liệu khổng lồ mà Google search hiển thị mới có thể tìm ra bài viết mình cần.

Từ việc đọc các giáo trình, tài liệu trên mạng Internet, tôi có thể xây dựng cho mình các hồ sơ học tập cho từng tác giả, tác phẩm, từng chủ đề. Điều này giúp chắc kiến thức các học phần lí luận và văn học đã và đang học. Các hồ sơ học tập này được lưu trữ trên máy, dễ bổ sung và sửa chữa, khi nào cần có thể đọc lại, in ra hay chia sẻ với bạn bè hết sức thuận tiện.

** Ứng dụng CNTT để giải quyết các bài tập của giáo viên.*

Các bài tập thực hành, thuyết trình nhóm của các học phần lí luận và văn học đòi hỏi SV không những phải vận dụng kiến thức của mình mà còn phải tra cứu, tìm hiểu từ nhiều nguồn tài liệu có liên quan mới có thể giải quyết một cách chính xác, trọn vẹn. Thế nhưng không phải đề tài nào cũng có sẵn sách để tham khảo mà chủ yếu SV phải tự tìm tòi, tra cứu thông tin. Việc ứng dụng CNTT (thông qua việc đọc, lưu trữ các hồ sơ, tài liệu học tập trên máy tính) đã giúp tôi xử lý các bài tập của giáo viên một cách nhanh chóng. CNTT đã giúp tôi mang đến những giai điệu du dương cho bài thuyết trình (tôi đã tìm trên mạng file nhạc đệm có giai điệu

phù hợp với nội dung phần thi bình giảng ca dao của nhóm, nhờ thuyết trình trên nền nhạc đệm mà phần thi của nhóm chúng tôi tạo được ấn tượng và được đánh giá cao). CNTT còn giúp chúng tôi học hỏi cách diễn xuất các tác phẩm văn học dân gian trên mạng, thổi những màu sắc tươi mới vào các tiết mục thi hát dân ca và trình diễn tiểu phẩm “Xã trưởng – Mẹ Đốp” hoàn thành khá tốt nhiệm vụ giáo viên bộ môn đã đề ra, đem đến cho buổi ngoại khóa văn học những tiết mục đậm chất SV nhưng cũng không kém phần nghệ thuật.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc học tập các học phần ngôn ngữ

Có thể nói, các học phần ngôn ngữ là những học phần “khô, khó, khổ” trong các học phần chuyên môn Ngữ văn. Bởi muốn làm được bài, SV phải hiểu và nắm vững các kiến thức lý thuyết là các nguyên tắc, quy luật ngôn ngữ, từ đó vận dụng vào việc giải quyết các bài tập thực hành. Thế nhưng, dù thuộc lý thuyết nhưng khi đi vào thực hành phân tích cấu trúc ngữ pháp câu tiếng Việt, chữa câu sai, phân tích cấu trúc đoạn văn,... không ít trường hợp chúng tôi phải chịu thua vì không biết cách vận dụng kiến thức.

Để học tốt các học phần ngôn ngữ, ngoài việc tiếp thu kiến thức trên lớp, SV cần phải tự giác học tập tích cực, đọc thêm các giáo trình, đề cương bài giảng của các giáo viên thông qua mạng Internet để nắm vững các kiến thức cơ bản. Chỉ cần vài cái gõ cùng mấy cái click chuột là hàng tá tài liệu, bài tập về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt hiện ra để SV lựa chọn làm thêm, qua đó khắc sâu kiến thức và rèn kỹ năng giải bài tập.

Khi ôn tập các học phần ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Việt, tôi thường sử dụng phần mềm Mindmap để vẽ các sơ đồ tư duy. Với phần mềm này, ta có thể “chơi mà học”, sáng tạo ra những kiểu dáng sơ đồ tư duy bắt mắt với màu sắc phong phú giúp hệ thống hóa các kiến thức đã học một cách đầy đủ nhưng lại ngắn gọn, dễ nhớ. Nhờ đó, việc ôn tập kiến thức trở nên hiệu quả hơn, giúp chúng ta có thể tự tin bước vào kì thi tốt nghiệp học phần. Bên cạnh đó, tôi còn lên mạng tham khảo và download những nội dung ôn tập, các đề thi tốt nghiệp học phần của các trường khác về giải thử giúp củng cố, mở rộng kiến thức. Nhờ đó, từ một sinh viên rất ngán ngại các học phần ngôn ngữ, tôi đã vươn lên đạt điểm khá ở các học phần này.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc học tập các học phần phương pháp dạy học Ngữ văn.

Phương pháp dạy học bộ môn là học phần khoa học ứng dụng có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm. Các học phần phương pháp dạy học Ngữ văn trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học văn ở trường THCS, giúp SV nắm vững các nguyên tắc và phương pháp dạy học văn, phương pháp thiết kế bài giảng, tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá bộ môn. Hướng vào việc rèn luyện và phát triển năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp cho người học, các học phần này có rất nhiều tiết thực hành yêu cầu sinh viên phải soạn giáo án, soạn các bài giảng điện tử, lên lớp giảng tập để làm quen với việc đứng lớp giảng dạy.

Bước đầu khi học các học phần này tôi rất lúng túng trong việc soạn các giáo án. Qua lời giới thiệu của giáo viên bộ môn tôi đã tìm đến với trang Web Violet.vn, đây là trang mạng xã hội của cộng đồng giáo viên Việt Nam, nơi giao lưu kiến thức và chia sẻ tài nguyên dạy học. Đây là kho tài liệu quý giá đối với sinh viên sư phạm vì có thể tham khảo các giáo án, bài giảng điện tử của các giáo viên trong cả nước. Tôi đã đăng ký làm thành viên, tạo cho mình một tài khoản bằng cách gửi một giáo án đã soạn lên trang mạng để có thể tải về các giáo án, bài giảng điện tử. Khi tham khảo các tài liệu này, tôi luôn ghi nhớ điều các thầy cô dạy các học

phần phương pháp căn dặn: không phải mọi giáo án được tung lên mạng đều là giáo án hay, mẫu mực; cần phải tiếp thu bằng tư duy phê phán, học hỏi những điều hay, từ đó làm giàu vốn kiến thức và kinh nghiệm cho mình.

Trong thời gian thực tập sư phạm năm 2 vừa qua, nhờ các tư liệu được lưu trữ trên máy (các giáo án mẫu, các file hình ảnh, tư liệu để soạn bài giảng điện tử), bản thân tôi đã hoàn thành tốt nhiệm vụ thực tập giảng dạy. Các giáo án được soạn trên máy vi tính không những trông đẹp mắt mà còn thuận lợi trong việc chỉnh sửa, bổ sung, dễ dàng sao chép, in ấn hay gửi email cho giáo viên hướng dẫn chuyên môn để được góp ý và phê duyệt. Tôi đã tự tin soạn và lên lớp bằng bài giảng điện tử, không chỉ trình chiếu những ý chính, nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, mà còn đưa đến cho các em những hình ảnh minh họa sống động, phù hợp với nội dung bài giảng khiến học sinh hứng thú giúp tiết học đạt hiệu quả cao.

3. Kết quả và bài học kinh nghiệm

Việc ứng dụng CNTT vào quá trình học tập đã mang đến cho bản thân tôi những thành công ngoài mong đợi, tuy chưa thật sự nổi trội so với các bạn khác trong lớp. Điều quan trọng nhất là việc học của tôi ngày càng tiến bộ, tôi không còn cảm thấy gánh nặng và áp lực của việc học tập. Bản thân tôi ngày càng chủ động trong việc tự học, tự nghiên cứu nhờ vào sự trợ giúp của chiếc máy tính nối mạng. Với đà học tập này, tôi tự tin rằng mình sẽ có đủ kiến thức để đảm nhận tốt nhiệm vụ của một giáo viên Ngữ văn Trung học cơ sở sau khi tốt nghiệp.

Để có thể ứng dụng CNTT vào quá trình học tập, chúng ta cần trang bị cho mình những kỹ năng nhất định trong việc truy cập Internet, tìm kiếm thông tin trên mạng và download các tài liệu cần thiết. Là sinh viên Sư phạm Ngữ văn, chúng ta cần ghi nhớ địa chỉ những trang Web gắn với chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Đó là các trang mạng Violet.vn, VNthiquan.net, VNthiquan.VN, <http://www.thivien.net>, trang web của Viện ngôn ngữ học (<http://vienngonnguhoc.gov.vn/>). Bên cạnh đó, đến với các trang web của Hội Nhà văn Việt Nam (<http://vanvn.net>), Hội Văn học Nghệ thuật Đồng bằng sông Cửu Long (www.vanchuongviet.org), Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh (<http://nhavantphcm.cm.vn>) chúng ta sẽ được đọc nhiều sáng tác mới của các nhà văn, nhà thơ là các hội viên của Hội, các bài điểm sách, phê bình, bình luận văn học rất hay, cùng rất nhiều tư liệu về các tác giả, tác phẩm nổi tiếng. Việc đọc các trang mạng này giúp nắm bắt tình hình thời sự văn học và mở rộng kiến thức chuyên ngành.

Khi tải các tài liệu từ mạng Internet về máy tính của mình, chúng ta cần phải phân loại, sắp xếp chúng vào các thư mục lưu trữ (theo tên tác giả, tác phẩm, giai đoạn văn học, giáo án, bài giảng điện tử theo từng khối, các loại file âm thanh, hình ảnh,...) để khi cần có thể mở ra ngay và sử dụng chúng, khỏi phải tốn thời gian tìm kiếm.

Chúng ta cũng cần phải lên kế hoạch tự học, tự nghiên cứu cho mình và buộc bản thân phải thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Mạng Internet là một kho tài liệu khổng lồ, nếu không định hướng và đề ra kế hoạch tự học, chúng ta rất dễ bị cuốn vào những luồng thông tin tản mạn đang rất “hot” trên mạng. Khi ấy, thời gian dành cho việc truy cập mạng để đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, tìm các tư liệu cần thiết cho bài học sẽ bị tiêu phí bởi việc đọc những thông tin ngoài lề khác.

III. KẾT LUẬN

Là SV sư phạm, chúng ta cần tìm hiểu, học hỏi và từng bước tiếp cận, ứng dụng CNTT vào quá trình học tập của mình thay vì bỏ phí hàng giờ trước màn hình hình máy tính mà lướt

Facebook, Zalo, hay dán mắt vào những trò chơi trực tuyến vô bổ. Việc ứng dụng CNTT không chỉ giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động tự học, tự nghiên cứu mà còn góp phần cải thiện trình độ ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, giúp phát triển tư duy, kích thích tinh thần ham học hỏi của chúng ta.

Không có gì là nhất, chỉ có hôm nay nỗ lực hơn, cố gắng hơn hôm qua. Việc kiên trì, tự giác tìm hiểu, sáng tạo, đòi hỏi ý chí phấn đấu ngày càng cao của cá nhân. Có như thế, SV chúng ta mới từng bước nâng cao vốn hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp của mình làm hành trang phục vụ cho sự nghiệp trồng người phía trước.

Nguyễn Thị Hạnh Dung – Lớp NV38

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Bá Hoàn (1998), *Vị trí của tự học tự đào tạo trong quá trình dạy học giáo dục và đào tạo*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục - Tháng 7/1998.
2. Thái Duy Tuyên (2003), *Dạy tự học cho sinh viên trong các nhà trường Cao đẳng, Đại học chuyên nghiệp*, ĐH Huế.
3. Nghị quyết của Chính phủ 49/CP ngày 04/08/1993 về phát triển công nghệ thông tin ở nước ta trong những năm 90.

THAM LUẬN 6**PHÁC THẢO KHÁI QUÁT CHÂN DUNG NGƯỜI THẦY
TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM.**

Tác giả : Nguyễn Thị Nguyễn Hồng
Lớp : Ngũ Văn 37
GVHD : Ths. Dương Thị Diên Hồng

1.ĐẶT VẤN ĐỀ:

Nhân dân ta vốn có truyền thống hiếu học và “*Tôn sư trọng đạo*”. Ngày xưa nhiều nhà cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc vẫn cố xin cho con được đến cửa thầy để học. Có người cho con học để mong đỗ đạt làm quan, có người chỉ mong con học để lĩnh hội được chữ thánh hiền để làm người, để giữ đạo nhà. Xã hội xưa coi trọng người có học vì những người có học thường có lối sống, cách ứng xử hợp đạo lý, một phần do thầy truyền dạy, một phần để giữ gìn cái thanh danh của người có học và thanh danh cho thầy. Thầy giáo ngày xưa là biểu tượng của sự hiểu biết và phẩm hạnh trong đời sống văn hóa dân tộc.

Ngày nay, bên cạnh sự tôn vinh người dạy học và nghề dạy học, xã hội theo cơ chế thị trường có sự thay đổi nhiều, vì vậy nghề dạy học cũng như địa vị người thầy cũng có sự thay đổi.

Để đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước, chúng ta đang cần đổi mới giáo dục một cách toàn diện, nên sẽ có nhiều thay đổi trong nghề dạy học. Tuy nhiên đổi mới không có nghĩa là phủ nhận giá trị giáo dục truyền thống. Vẫn rất cần sự trân trọng nghề dạy học và khẳng định vị thế người học trong xã hội mới. Xã hội nào cũng cần có nghề dạy học và người dạy học. Xã hội càng phát triển, yêu cầu, đòi hỏi của nhân dân, của xã hội đối với đội ngũ nhà giáo càng cao.

Xuất phát từ những lý do trên, là sinh viên ngành Ngũ Văn khóa 37 của trường CĐSP Tây Ninh, em muốn đi vào đề tài: “**PHÁC THẢO KHÁI QUÁT CHÂN DUNG NGƯỜI THẦY TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM**” với mục đích tìm hiểu cái tâm, cái tài của thầy giáo xưa và nay để các nhà giáo trẻ hôm nay nhìn lại mình, mà phấn đấu luyện rèn để cái tâm, cái tài trong nghề dạy học thời đại mới thêm đủ đầy và truyền thống “*tôn sư trọng đạo*” của ông cha ta sẽ được truyền mãi đến muôn đời sau.

2. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH:**2.1.CHÂN DUNG NGƯỜI THẦY TRONG VĂN HÓA DÂN GIAN:**

Hình ảnh người thầy được các tác giả dân gian thể hiện không ít. Ở đó, chân dung về những người thầy dù là ở khía cạnh khẳng định, ngợi ca hay ở khía cạnh châm biếm, cười cợt, vẫn có nhiều nét đáng yêu, đáng suy ngẫm. Trong tất cả những thể loại văn học dân gian Việt Nam, từ tục ngữ, ca dao, dân ca đến các thể loại truyện hay sân khấu dân gian ta đều thấy xuất hiện bóng dáng của người thầy và sự học. Có thể nói, việc học và tâm lòng tôn sư trọng đạo đã trở thành máu thịt, trở thành truyền thống sâu rễ, bền gốc trong nhân dân.

Suốt mấy nghìn năm trong xã hội phong kiến xưa, nhân dân ta luôn coi trọng và đề cao vai trò của người thầy, quan niệm thứ bậc trong xã hội phong kiến cũng cho ta thấy rõ điều đó. Người thầy chỉ đứng sau vị trí của vua: Quân - Sư - Phụ và kéo theo đó là "Tam

Đạo" chỉ phối rất nhiều các mối quan hệ trong xã hội: Đạo vua - tôi, đạo thầy - trò, đạo cha - con. Có thể nói, đạo thầy - trò đã được nâng lên, được coi ngang tầm quốc gia. Nói vậy là để cất nhắc phần nào về vị thế của người thầy trong tâm lý xã hội và tâm lý nhân dân. Cũng chính vì thế mà nhân dân vừa khảng định, tôn vinh người thầy, đồng thời cũng đặt yêu cầu rất cao đối với người thầy.

Trong tục ngữ ca dao, dân gian đã khảng định như là chân lý, như là bài học rút ra từ bao đời về vị thế, vai trò, ý nghĩa của người thầy như: "Không thầy đố mày làm nên"; "Trọng thầy mới được làm thầy"; Hay "Muốn sang thì bắc cầu kiều/Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy". Ẩn chứa trong những câu ca dao, tục ngữ trên là nhận thức về vai trò không thể thiếu của người thầy và sự học đối với tương lai, khát vọng của mỗi con người, mỗi dân tộc. Nhận thức này có một ý nghĩa đặc biệt, bởi nó được hình thành từ thực tế của một dân tộc có nền nông nghiệp lạc hậu và ngày xưa phần đông là mù chữ. Và nhận thức ấy đã trở thành đạo đức khi tôn sư trọng đạo đi vào đời sống nhân dân.

Đối với mỗi người học trò - trên con đường tiếp cận kho tri thức khổng lồ của dân gian, của nhân loại, dù là đạt nhiều mục đích khác nhau; song đều gặp nhau ở chỗ là họ luôn cần đến sự định hướng, dắt dìu của người thầy trong quá trình tiến gần đến chân lý. Do vậy, bên cạnh tục ngữ, thì ca dao cũng cất lên lời ca khảng định:

"Mấy ai là kẻ không thầy"

Thế gian thường nói đố mày làm nên"

Và theo như chúng ta đều biết, mỗi con người - từ khi sinh ra đến lúc trưởng thành, luôn được chăm sóc, dạy dỗ bởi bàn tay, khối óc, tấm lòng cao cả, bao la của nhiều người theo bước đi của thời gian. Khi còn nhỏ, ta chịu ơn nuôi dưỡng "cao như núi Thái Sơn" của cha, chịu cái nghĩa sinh thành "như nước đầu nguồn" không ngừng tuôn chảy của mẹ. Rồi khi lớn lên, cấp sách tới trường - thì chính thầy giáo là người nâng niu, uốn nắn cho ta:

"Mẹ cha công sức sinh thành"

Ra trường thầy dạy học hành cho hay"

.Chỉ ngần ấy thôi, cũng đủ để chúng ta hiểu: Nhân dân rất coi trọng nghề thầy giáo. Họ đúc kết lại trong những câu ca dao, tục ngữ dễ nhớ, dễ thuộc. Cũng bởi xuất phát từ chỗ nhận thức rõ vị trí của người thầy, mà dân gian đã không quên nhắc nhở học trò lòng yêu kính, biết ơn thầy. Lòng yêu kính ấy, được biểu hiện qua nét ứng xử bằng nhiều cách thức khác nhau, trong đó có phong tục lễ, tết. Nghĩa là mỗi năm khi Tết đến, xuân về, như đã trở thành đạo lý ngàn đời, mỗi người chúng ta, ngoài sống có hiếu với cha, với mẹ, còn phải sống có nghĩa đối với thầy "Mùng một Tết Cha, mùng hai Tết Mẹ, mùng ba Tết Thầy". Quan niệm thầy - trò theo nếp này - một cách tự nhiên đã trở thành thứ tình nghĩa cao cả, thiêng liêng trải dài suốt bao đời nay, kết nối thành một sợi dây, tạo nên truyền thống đẹp đẽ của dân tộc.

2.2.CHÂN DUNG NGƯỜI THẦY TRONG VĂN HÓA BÁC HỌC:

Trong xã hội phong kiến ông đồ tài không chỉ giỏi về thơ phú, chữ nghĩa, mà còn giỏi bốc thuốc trị bệnh cứu người, xem đất đai, tướng số... để dân làng lo làm những đại sự. Nhiều ông đồ từng đỗ ông nghè, ông cống được xã hội rất mực kính trọng, quan lại địa phương rất nể sợ. Họ là những người học chữ "thánh hiền" nên họ luôn có ý thức trau dồi tài năng và giữ gìn phẩm cách, vì vậy xã hội luôn gửi gắm ở họ niềm tin về nhân cách, tài năng, luôn coi họ là chuẩn mực, là hình mẫu để vươn tới. Không những thầy giáo là chuẩn mực về

nhân cách, mà vợ con, người nhà cũng phải hết sức giữ gìn về đạo đức, giữ gìn danh tiếng cho chồng, cho cha. Vợ ông đồ được làng tôn trọng gọi là bà giáo, con cháu cũng được dân làng tôn trọng. Từ cửa Khổng, sân Trình, dưới sự dạy bảo của thầy giáo, bao người đã trở thành người có học, được xã hội tôn trọng, có người đỗ đạt được làm quan, cùng với sự hiểu biết, đức độ của mình, uy tín của thầy giáo càng được khẳng định.

Lịch sử Việt Nam, ghi nhận những bậc danh nhân văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới, trùng hợp một điều thú vị, không ít thì nhiều, họ đều có gắn bó với nghề Thầy giáo, đó là: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và Hồ Chí Minh...

Trong suốt cuộc đấu tranh trường kỳ giữ nước và dựng nước, Đảng và Nhà nước ta luôn tôn vinh nghề dạy học và vị trí cao cả của người thầy, Bác Hồ đã nói: *“ Có gì vẻ vang hơn là nghề đào tạo những thế hệ sau này tích cực góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản? Người thầy giáo tốt – thầy giáo xứng đáng là thầy giáo- là người vẻ vang nhất. Dù là tên tuổi không đăng trên báo, không được thưởng huân chương, song những thầy giáo tốt là những anh hùng vô danh ”*. Cố thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: *“ Nghề dạy học là một nghề cao quý... nghề dạy học là một nghề sáng tạo vào bậc nhất trong các nghề sáng tạo... vì nó sáng tạo ra những con người sáng tạo ”*. Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII khẳng định đội ngũ giáo viên giữ vai trò quyết định chất lượng giáo dục và được xã hội tôn vinh.

Trong thời hiện đại, Người thầy không còn chiếm vị trí “độc tôn” trong làng xã như xưa vì nhiều ngành nghề, chức danh khác trong xã hội lần lượt xuất hiện, đôi khi trở thành “thời thượng”, lại là mục tiêu phấn đấu của lớp trẻ. Đã có một thời lớp trẻ truyền nhau câu nói cửa miệng khi chọn nghề: *“Nhất y, nhì dược, tam được bách khoa, sư phạm cho qua ”* hay *“Chuột chạy cùng sào mới vào sư phạm ”*.

Mặt khác, trong nghề dạy học, việc đổi mới PPDH cũng đang chuyển sang phương pháp giáo dục hướng vào người học, *“lấy học trò làm trung tâm”*, là chủ thể, thầy giáo không còn là *“trung tâm”* là *“nơi cung cấp kiến thức duy nhất”*, mà học sinh có thể học ở mọi lúc, mọi nơi, nên quan hệ thầy - trò cũng có sự thay đổi. Đây là sự thay đổi tất yếu trong quá trình phát triển, chứ không phải thang giá trị đạo đức xã hội có sự thay đổi như một số người đã lo lắng.

Mặt khác, ngày nay từ khi đi học mẫu giáo đến khi có nghề nghiệp, mỗi người học với rất nhiều thầy, vậy nên mối quan hệ thầy trò cũng khác. Cũng không thể phủ nhận mặt trái của cơ chế thị trường đang len lỏi vào đội ngũ nhà giáo, không ít giáo viên không giữ được cốt cách, phẩm hạnh như các thầy giáo thời xưa.

Sự phát triển của xã hội ngày nay có tốc độ nhanh. Cách nhìn, cách hiểu và cách dạy của người thầy tất nhiên phải luôn đổi mới. Ngày xưa, khi dạy học trò, thầy không phải lo phim ảnh đồi trụy, những cảnh bạo lực trong games ảnh hưởng xấu đến tâm lý trẻ vị thành niên; hoặc sinh viên đại học nếu chịu khó truy cập mạng, không ít kiến thức của thầy đã tự biến thành bảo tàng buồn tẻ... Nói như thế để thấy rằng trách nhiệm của người thầy ngày nay nặng nề lắm.

Thứ nhất, ở cấp học Mầm non, Tiểu học, người thầy phải là **“Mẹ hiền”**, đúng như mơ ước của trẻ thơ. Nếu thầy cô chỉ lo kiếm gạo, làm thêm thì làm sao đủ kiên nhẫn để truyền đạt kiến thức, đủ thời gian để giao thoa, cộng hưởng về tình cảm với học trò?

Bác Hồ từng dạy các cô Mầm non: “*Làm mẫu giáo tức là thay mẹ dạy trẻ. Muốn làm được thì trước hết phải yêu trẻ. Các cháu nhỏ hay quấy, phải bền bỉ, chịu khó mới nuôi dạy được các cháu. Dạy trẻ cũng như trồng cây non. Trồng cây non được tốt thì sau này cây lớn tốt. Dạy trẻ nhỏ tốt thì sau này các cháu thành người tốt. Công tác giáo viên và Mẫu giáo có khác nhau, nhưng cùng chung mục đích đào tạo những công dân tốt, cán bộ tốt cho Tổ Quốc, cho Chủ nghĩa xã hội, điều trước tiên là dạy các cháu về đạo đức để các cháu noi theo*”.(**Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục, 1990, tr. 182-183**).

Thứ hai, ở cấp THCS, THPT, nếu không hiểu biết về tâm lý học của lứa tuổi đang "trở thành người lớn", chúng đòi hỏi sự sâu sắc của hiểu biết, sự tôn trọng và khẳng định, thì làm sao quan hệ thầy trò có thể là tấm gương? Người thầy là “**Kỹ sư tâm hồn**” quan trọng trong đời sống tinh thần của học sinh. Để xứng danh là kỹ sư tâm hồn, người thầy phải luôn luôn gương mẫu về mọi mặt, không ngừng bồi dưỡng đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ ba, trường ĐH và CĐ của thời hiện đại là lò lửa thử vàng của kiến thức đích thực, của say mê và hiểu biết. Ở bậc Đại học và Cao đẳng, chắc chắn rằng những bài giảng khô khan, đọc chép, những kiến thức cũ mòn sẽ làm hỏng các thế hệ đang "học nghề" để trưởng thành. "Tấm gương" cũ mòn sẽ phản ánh tồi, chuyển hướng lệch lạc những nhận thức và nhân cách. **Người thầy phải là “Nhà sáng tạo và truyền nghề”** cho sinh viên trong giai đoạn này. Và thực tế, đối với sinh viên Sư phạm chúng em những người thầy trong môi trường Cao Đẳng sư phạm Tây Ninh là những người cha, người mẹ, người “Đồng chí”... hun đúc và nuôi dưỡng tâm huyết cho chúng em trong nghề dạy học. Các thầy cô ở khoa Xã hội luôn là những “Người làm vườn” chăm bón cho những giáo viên, những công chức tương lai những kiến thức khoa học bổ ích và những bài học nhân cách đáng trân trọng.

Thay lời muốn nói, chúng tôi xin mượn bài thơ: “CÔ GIÁO DẠY VĂN” của Nguyễn Ngọc Hưng để gửi gắm tình cảm của sinh viên Ngừ Văn đối với thầy cô:

*Dạy Kiều từ thuở tóc xanh
Đến hoa râu vẫn trong lành giọng cô
Tiếng kêu đứt ruột liễu bờ
Mỗi lần giảng nước mắt khô lại duềnh
Kiều xưa ân trả nghĩa đền
Học trò cô lẽ nào quên ơn người?
Dưỡng cành héo được hoa tươi
Lộc đâu khổ lấy nụ cười sáng trong
Học Văn đâu chỉ thuộc lòng
Những lời cô giảng thấm trong máu rồi
Của tiền nước chảy mây trôi
Chữ nhân chữ nghĩa lắng bồi phù sa...
Hiến chương em đến thăm nhà
Ấm lòng - cô vẫn ngân nga lấy Kiều!*

Trong thơ đương đại Việt Nam có nhiều bài ca ngợi tình nghĩa thầy trò. Nhưng bài thơ “**Cô giáo dạy Văn**” của nhà thơ Nguyễn Ngọc Hưng đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng nhất. Bài thơ chính là tiếng lòng của nhà thơ bật ra từ những cảm xúc chân thành. Nó không chỉ ca ngợi tình cảm thầy trò mà còn thể hiện một triết lý sống rất sâu sắc.

Khắc họa hình ảnh người thầy, nhà thơ Nguyễn Ngọc Hưng không đi theo một mô típ truyền thống. Nhà thơ khắc họa hình ảnh người thầy thông qua hình ảnh một cô giáo dạy Văn. Nhà thơ vận dụng câu nói nổi tiếng của nhà văn M. Gooc-ky *“Văn học là nhân học”* để khái quát công việc *“trồng người”* của một người thầy, cụ thể là cô giáo dạy Văn.

Dạy - học Văn mang tính đặc thù riêng. Nó là bộ môn khoa học nghệ thuật ngôn từ. Dạy Văn luôn gắn liền với việc dạy người. Nhiều người thắc mắc dạy Văn thì có thể dạy rất nhiều tác phẩm văn học, nhưng tại sao nhà thơ Nguyễn Ngọc Hưng lại đưa tác phẩm *“Truyện Kiều”* để mở đầu cho việc dạy văn của một cô giáo? Điều này không có gì là khó hiểu. Bởi *“Truyện Kiều”* là kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại... Hàng trăm năm nay *“Truyện Kiều”* đã được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả. Hơn thế nữa *“Truyện Kiều”* mang tính nhân văn cao cả.

Bài thơ *“Cô giáo dạy Văn”* được viết theo thể thơ lục bát thật uyển chuyển, có kết cấu đầu cuối tương ứng, sử dụng các phép tu từ rất tài hoa đã khắc họa thành công chân dung người thầy, cụ thể là cô giáo dạy Văn, một cô giáo thật đáng kính, đáng yêu. Đây là bài thơ rất hay, rất nhân văn. Bài thơ là tiếng lòng của tác giả và cũng là tiếng lòng của người học Văn sắp bước vào nghề dạy Văn.

3. KẾT LUẬN:

Cho dù đứng ở cương vị nào, giữ nhiệm vụ gì, người thầy luôn có mặt trong đời sống tinh thần của các thế hệ. Người thầy luôn được xã hội trân trọng, tôn vinh bởi những đóng góp lớn lao. Và không có phần thưởng nào ý nghĩa đối với người thầy bằng sự tin tưởng và kính trọng của học trò và xã hội. Đúng nghĩa người thầy ngày nay là phải có một hành trang luôn luôn mới, luôn luôn sáng. Không phải ngẫu nhiên, sinh thời Hồ Chủ Tịch từng khẳng định: *“Nghề thầy giáo là nghề cao quý nhất trong các nghề cao quý - vì đó là những kỹ sư tâm hồn”*.

Là sinh viên Ngữ Văn, chuẩn bị hành trang vào đời với trọng trách: *“Dạy Văn dạy người”*, tiếp nối truyền thống *“Tôn sư trọng đạo”*, chúng tôi sẽ nỗ lực phấn đấu học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn để phát huy vai trò của môn Văn trong đời sống cộng đồng, sau này ra trường, giúp các em học sinh nhận ra chân lý: *“Văn học là nhân học”*, đồng thời khơi gợi cho các em niềm tự hào, lòng biết ơn đối với các thầy cô theo truyền thống văn hóa của người Việt Nam ta. Riêng chúng tôi luôn tâm nguyện: *“Kính Thầy mới được làm Thầy”* vì đó là bài học về Đạo đức mà mỗi sinh viên sư phạm cần ghi nhớ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Vũ Ngọc Khánh, *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước 1945*, NXBGD; HN; 1985.
2. *Luật Giáo dục*, NXB Thống kê; 2006.
3. Trần Hồng Quân, *Về vai trò của giáo viên và vị trí của hệ thống sư phạm*, Tạp chí NCGD số 3/1996, trang 1-2.
4. Thái Duy Tuyên, *Giáo dục học hiện đại*, NXBĐHQG; HN; 2001.

THAM LUẬN 7**VAI TRÒ CỦA VIỆC TỰ HỌC ĐỐI VỚI SINH VIÊN
SƯ PHẠM HIỆN NAY****Tác giả : Nguyễn Thị Hồng Loan****Lớp : Mầm non 37B****GVHD : Lê Thị Kim Huệ****A. PHẦN MỞ ĐẦU**

Trong bối cảnh xã hội ngày nay, nền kinh tế tri thức được nhân loại đặt lên hàng đầu, lấy “việc học thường xuyên, suốt đời” làm nền móng, hay “học, học nữa, học mãi”, dựa trên các mục tiêu tổng quát của việc học là “học để biết, học để làm, học để cùng sống với nhau và học để làm người”, nhằm hướng tới một “xã hội học tập”.

Lý luận dạy học đã chỉ ra rằng: trong quá trình đào tạo ở bậc cao đẳng và đại học, người sinh viên không chỉ là đối tượng của hoạt động dạy mà còn là chủ thể lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Trong các hình thức tổ chức dạy học thì tự học của người học có vai trò rất quan trọng. Tự học là một yêu cầu tất yếu khách quan đối với quá trình đào tạo, học tập ở các trường sư phạm. Người giáo viên tương lai phải được đào tạo kỹ năng tự học thì mới có thể thường xuyên và không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp, thực hiện tốt chức năng của mình trước yêu cầu đổi mới của xã hội: người thầy giáo phải dạy cho học sinh tính chủ động sáng tạo, dạy cho học sinh cách thức tự học.

Tự học là hình thức học tập không thể thiếu được của sinh viên đang học tập tại các trường cao đẳng và đại học. Tổ chức hoạt động tự học một cách hợp lý, khoa học, có chất lượng, hiệu quả là trách nhiệm không chỉ ở người học mà còn là sự nghiệp đào tạo của nhà trường.

Cùng với việc đổi mới các phương pháp dạy học của giáo viên thì việc sinh viên tự hình thành cho mình kỹ năng tự học là hết sức cần thiết. Như vậy, tự học của sinh viên là một khâu quan trọng không thể tách rời của quá trình đào tạo ở nhà trường sư phạm. Đó là hoạt động cần thiết để sinh viên biến tri thức của nhân loại thành hiểu biết và năng lực của riêng mình.

Vì điều kiện thời gian có hạn, em đã đi vào nghiên cứu “vai trò của việc tự học đối với sinh viên sư phạm hiện nay”, với mong muốn góp phần nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm.

B. NỘI DUNG**1. Tự học và vai trò của tự học.****1.1 Vấn đề tự học**

Tự học là quá trình nỗ lực chiếm lĩnh tri thức của bản thân người học bằng hành động của chính mình, hướng tới những mục đích nhất định.

Hoạt động tự học là một hình thức hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững những hệ thống tri thức và kỹ năng do chính bản thân người học tiến hành trên lớp hoặc cả khi ngoài lớp. Khi chúng ta tự mình huy động mọi phẩm chất, năng lực của bản thân để tiến hành các hoạt động tìm tòi khám phá nhằm mục đích chiếm lĩnh tri thức là ta đã tiến hành hoạt động tự học.

Hoạt động tự học về bản chất là hoạt động nhận thức độc lập của sinh viên, nó có phạm vi rất rộng, từ tự học trên lớp dưới sự tổ chức, điều khiển trực tiếp của giáo viên, tự học ở nhà dưới sự tổ

chức, điều khiển gián tiếp của giáo viên cho tới tự học hoàn toàn độc lập không có sự tổ chức, điều khiển của giáo viên.

1.2. Vai trò của hoạt động tự học đối với sinh viên sư phạm

Tự học là một yếu tố quyết định trực tiếp chất lượng học tập. Trong quá trình tự học sinh viên là người giữ vị trí quan trọng và có ý nghĩa quyết định. Bởi lẽ giáo viên không thể truyền đạt được tất cả nội dung kiến thức trong một giờ học, chỉ có tự học mới học được tất cả những điều cần học.

Tự học có vai trò rất quan trọng, quyết định kết quả học tập của sinh viên. Chính vì vậy, đòi hỏi mỗi sinh viên cần tích cực, chủ động, độc lập tìm tòi, khám phá để lĩnh hội tri thức bằng chính hành động của bản thân nhưng không tách rời sự tổ chức, điều khiển của giáo viên. Hơn nữa, để tự học đạt kết quả cao, sinh viên cần thể hiện rõ tính mục đích, tính kế hoạch cao, có thái độ tích cực và có những kỹ năng tự học nhất định để hoàn thành nhiệm vụ học tập đề ra. Ngoài những hoạt động tự học diễn ra dưới sự tổ chức, hướng dẫn trực tiếp hay điều khiển một cách gián tiếp của giáo viên, sinh viên cần tiến hành các hoạt động tự học nhằm thỏa mãn nhu cầu, hiểu biết riêng, theo sở thích, hứng thú của bản thân về những tri thức nằm ngoài chương trình đào tạo quy định của nhà trường, những tri thức mở rộng sự hiểu biết, phục vụ cuộc sống và nghề nghiệp.

Tự học giúp có năng lực, hứng thú, thói quen và phương pháp tự học thường xuyên để không ngừng làm phong phú, hoàn thiện hơn vốn hiểu biết của mình, tránh khỏi lạc hậu trước sự “bùng nổ thông tin” khoa học kỹ thuật trong thời đại ngày nay.

Tự học giúp cho sinh viên hình thành niềm tin khoa học, rèn luyện ý chí phấn đấu, đức tính kiên trì, óc phê phán. Hình thành được phẩm chất trí tuệ và rèn luyện nhân cách.

Có rất nhiều nguyên nhân buộc sinh viên chúng ta phải nâng cao tinh thần tự học của mình mới mong đạt được kết quả tốt trong học tập, rèn luyện.

Thời lượng học tập ở nhà trường theo một thời gian nhất định, một tiết học chỉ gồm 45 phút, việc tiếp thu kiến thức từ thầy cô là có hạn, còn hiểu biết do tự học là vô hạn.

Muốn nâng cao và mở rộng kiến thức, tiến xa trên con đường học vấn và sự nghiệp của mình thì tự học là một yếu tố cần phải thực hiện. Như Lê-nin đã nói "Học, học nữa, học mãi".

Tự học còn thể hiện ý thức trách nhiệm của chính mình, thể hiện con người có ý chí và lòng nhân cách.

Được sự quan tâm từ gia đình là một điều kiện thôi thúc chúng ta phải có ý thức tự học.

2. Thực trạng về vấn đề tự học của sinh viên sư phạm.

Theo nghiên cứu của cô Lê Thị Kim Huệ, một cán bộ khoa Tâm lý Giáo dục học của năm học này (2014-2015) cho thấy đa số sinh viên đạt mức "nghiêm túc" trong việc thực hiện tự học chiếm 67,2%, trong đó sinh viên đạt mức "rất nghiêm túc" chiếm 6,6% và số sinh viên đạt mức "nghiêm túc" chiếm 60,6%.

Tình hình trên cho thấy, hoạt động tự học của sinh viên diễn ra theo kiểu thụ động – sinh viên mới chỉ tự học theo các cách quen thuộc từ khi còn học ở phổ thông, các phương pháp tự học có tính chất sáng tạo, đòi hỏi sự phát huy tính tích cực cao chưa được sinh viên sử dụng nhiều và thường xuyên. Thực trạng này có thể do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là các nguyên nhân trong hoạt động tự học của sinh viên. Qua tìm hiểu cho thấy, việc sinh viên chưa tự xây dựng cho mình một nề nếp học tập ổn định với những phương pháp tự học hợp lý là do họ chưa có động cơ học tập đúng đắn và đặc biệt do họ chưa nắm được các kỹ năng tự học.

3 Nguyên nhân ảnh hưởng đến vấn đề tự học

Hiện nay thì đa số sinh viên đều là những người sống xa nhà, tách mình ra khỏi gia đình, họ được sống tự do không bị bó buộc trong hoàn cảnh nào, nên nghĩ rằng mình đã đủ lớn, muốn làm gì cũng được không hề nghĩ đến hậu quả, không có một phương pháp tự học nào cho mình.

Mặt khác, nhiều gia đình có hoàn cảnh khó khăn, sinh viên tự ý thức được mình phải vừa học vừa làm để trang trải cho việc học, nên nghĩ rằng việc kiếm tiền là cần thiết nhất, từ đó cũng không có được một khoảng thời gian riêng nào dành cho việc tự học.

Một yếu tố nữa cũng không thể bỏ qua đó là vấn đề tình cảm, nhiều sinh viên đã bỏ ra quá nhiều thời gian cho các cuộc hẹn hò bên ngoài, đó là những khoảng thời gian vô ích nhất.

Hoặc chính bản thân sinh viên cũng đã có ý thức tự học nhưng chưa có động cơ học tập đúng đắn, chưa có kỹ năng tự học gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động tự học của chính mình.

4. Đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả học tập thông qua hoạt động tự học của sinh viên sư phạm.

Để nâng cao hiệu quả học tập thông qua hoạt động tự học, trước hết sinh viên cần phải có một phương pháp học tập tích cực

Quản lý thời gian, xây dựng thời gian biểu hợp lý, lập kế hoạch học tập, đảm bảo thời gian tự học tương xứng với lượng thông tin của môn học, hạn chế thời gian rỗi vô ích, thực hiện nghiêm túc kế hoạch tự học.

Nghe và ghi bài trên lớp, trong lớp học nên chọn vị trí gần thầy cô, thầy cô giảng bài chú ý lắng nghe, có thắc mắc phải chủ động đề xuất ý kiến, chỉ ghi chép những gì chưa biết những gì quan trọng mà giáo trình không có.

Cần tạo cho mình một khoảng thời gian riêng để đọc sách, phải xác định rõ mục đích đọc sách, chọn cách đọc phù hợp, tập trung chú ý, tích cực suy nghĩ, vừa đọc vừa ghi chép.

Những kiến thức tiếp thu được thông qua thầy cô giảng bài trên lớp, ta nên tổng hợp lại một cách dễ hiểu nhất, bằng cách xem lại bài ghi, nghiên cứu thêm ở các tài liệu khác, hình thành mối liên hệ giữa các đoạn rời rạc, dựng lại bài giảng bằng ngôn ngữ của chính mình.

Thường xuyên kiểm tra lại bài vở, lập danh sách những việc cần làm, những vấn đề nào khó giải quyết có thể cùng bạn bè thảo luận, nhiều ý kiến khác nhau sẽ có được một ý kiến tổng hợp hay hơn.

Học mọi lúc, học mọi nơi, học mọi người, học trong mọi hoàn cảnh, học bằng mọi cách, học qua mọi nội dung (công thức 6 mọi). Chỉ cần ta có ý thức tự học, biết tận dụng thời gian, không gian và hoàn cảnh.

C. KẾT LUẬN

1. Kết luận

Hoạt động tự học là một vấn đề đã được các nhà khoa học quan tâm, xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau, là một quá trình biến đổi từ đào tạo thành tự đào tạo. Hoạt động tự học có mối quan hệ chặt chẽ với hình thức tổ chức dạy học của giáo viên trên lớp, có như vậy thì việc học mới mong đạt hiệu quả cao.

Sinh viên mới chỉ nhìn thấy tác động của hoạt động tự học đối với kết quả học tập mà chưa thấy được tác động đối với sự phát triển nhân cách của người giáo viên tương lai, nhận thức ra sự ảnh hưởng của một số nhân tố đến hoạt động tự học cũng như sự cần thiết phải rèn luyện các kỹ năng tự học. Tuy nhiên, sinh viên còn rất thụ động trong việc học, cách học, chưa tích cực tích lũy và rèn luyện cho mình các kỹ năng tự học cần thiết.

Tổ chức hoạt động tự học phải bắt đầu từ việc hình thành hệ thống các kỹ năng tự học bao gồm : kỹ năng lập kế hoạch tự học ; kỹ năng tự ghi chép bài giảng trên lớp; kỹ năng đọc sách; tài liệu tham khảo; kỹ năng ghi chép tài liệu đọc nghiên cứu; kỹ năng khái quát hóa, hệ thống hóa kiến thức đã học; kỹ năng tự kiểm tra, tự đánh giá việc học tập của bản thân.

2. Kiến nghị sư phạm

Tạo điều kiện vật chất và tinh thần thuận lợi cho hoạt động tự học như đảm bảo đầy đủ về giáo trình, tài liệu tham khảo, thời gian và địa điểm.

Quan tâm tới việc bồi dưỡng kỹ năng tự học cho sinh viên ngay từ đầu khóa học và tiếp tục rèn luyện trong quá trình đào tạo.

Tổ chức các chuyên đề, các buổi thảo luận, giao lưu giữa giảng viên và sinh viên hoặc giữa các sinh viên với nhau nhằm trao đổi kinh nghiệm học tập lẫn nhau.

Tổ chức các cuộc thi, ngoại khóa nhằm phát huy tinh thần tự học của sinh viên, giới thiệu những tấm gương tự học tiêu biểu.

Thay đổi phương pháp học truyền thống bằng cách “học đi đôi với hành”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Ngọc Sơn – Thiết kế bài tập thực hành tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm. Nhà xuất bản đại học sư phạm.
2. website: violet.vn/thuongthin76/present/show/entry_id/10329436
3. Luậnvăn.net.vn
4. Vai trò của năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Báo điện tử đại học An Giang.

THAM LUẬN 8**CÔNG NGHỆ THÔNG TIN – THÁCH THỨC CỦA THÀNH CÔNG****Tác giả : Trần Hoàng Dũng****Lớp: CNTT 38****GVHD: CN. Công Tôn Nữ Lương Thành****I. Đặt vấn đề**

Trong thời đại công nghệ liên tục phát triển và với sự phát triển vượt bậc, công nghệ thông tin là ngành hợp thời đại nhất, các bạn học ngành này sẽ được trang bị các kỹ năng kiến thức chuyên ngành, các cơ hội làm việc rộng mở. Là một sinh viên của lớp công nghệ thông tin, tôi xin chia sẻ cùng các bạn lý do vì sao nên học ngành công nghệ thông tin và những điều kiện cần có để học tốt ngành công nghệ thông tin.

II. Giới thiệu ngành Công nghệ thông tin**1. Giới thiệu**

Công nghệ thông tin (tiếng Anh: Information Technology gọi tắt là IT) là ngành ứng dụng công nghệ quản lý và xử lý thông tin thông qua công cụ chủ yếu là máy tính và phần mềm máy tính để chuyển đổi, lưu trữ, bảo vệ, xử lý, truyền, và thu thập thông tin. Trong công nghệ thông tin có rất nhiều ngành nghề khác nhau nhưng đáng chú ý là công nghệ kỹ thuật phần cứng và công nghệ kỹ thuật phần mềm. Trong đó, công nghệ kỹ thuật phần mềm mới là bản chất của công nghệ thông tin.

2. Những lý do nên học ngành Công nghệ thông tin

- Cơ hội làm việc lớn: các tập đoàn công nghệ lớn như LG, Samsung, Microsoft,... đang đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất các thiết bị điện tử. Chính vì thế mà những người theo học ngành công nghệ thông tin có nhiều cơ hội làm việc, có thể làm nên các dự án lớn.
- Luôn tiếp cận tri thức mới: Công nghệ thông tin luôn phát triển, hình thành nhiều kiến thức, tri thức mới. Khi theo học công nghệ thông tin thì các kiến thức tri thức luôn được cập nhật để phát triển kịp thời đại.
- Đầy năng động và sáng tạo trong ngành: Khi được làm việc trong môi trường thích hợp nó sẽ giúp các bạn có được những sáng tạo tuyệt vời trong ngành này. Ví dụ như không gian làm việc của Facebook và Microsoft luôn tạo cho bạn cảm giác thoải mái, vui tươi có sự năng động, tạo nên nhiều sáng tạo.
- Nhiều thách thức và cơ hội để khẳng định bản thân: Công nghệ luôn phát triển sẽ mang đến cho bạn nhiều cơ hội thành công song bên cạnh đó cũng không ít khó khăn đang chờ bạn. Không có khó khăn thử thách thì khó có sự thành công. Có những cơ hội được làm việc trong các môi trường tốt như Google, Facebook, Microsoft,... Những nơi này luôn tuyển chọn nhân viên dựa trên năng lực của bạn, chính nó đã tạo nên thử thách cho bạn. Không khẳng định được bản thân thì không thể có môi trường làm việc tốt.
- Nhiều cơ hội thành đạt: Khi nói đến công nghệ thông tin thì có nhiều cơ hội thành công. Bill Gates là người thành lập Microsoft, ông đã tạo ra hệ điều hành nổi tiếng là Windows.

Ông là danh nhân thành đạt nhất từ sự theo đuổi công nghệ. Mark Zuckerberg, Steve Jobs là các danh nhân thành đạt từ công nghệ. Còn nhiều người nữa thành đạt khi theo đuổi công nghệ. Việt Nam có ông Trương Trọng Thi, một kỹ sư Pháp gốc Việt là người chế tạo máy tính Micral được coi như máy tính cá nhân đầu tiên trên thế giới, Nguyễn Thành Nhân người làm việc rất thành công tại Google, Nguyễn Hà Đông người thiết kế trò chơi miễn phí Flappy Bird với 50 triệu lượt tải trên toàn thế giới và còn nhiều người thành đạt nữa trong ngành công nghệ thông tin.

3. Hướng nghề nghiệp của ngành Công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin có rất nhiều ngành nghề khác nhau cho các bạn có những thích thú khác nhau theo học các ngành nghề các bạn thích.
- Các ngành nghề của ngành công nghệ thông tin đều không yêu cầu cao ở học viên, nhìn chung thì cần có niềm đam mê các bạn sẽ có thể theo học và cần có các kiến thức cơ bản. Khi học ngành này các học viên đều được trang bị các kiến thức cơ bản về toán học, vật lý hiện đại, lý thuyết thông tin, ngôn ngữ lập trình, hệ điều hành,...
- Khi tham gia học các ngành nghề chuyên sâu thì được trang bị các kiến thức cao hơn, chuyên sâu hơn như:
 - Công nghệ kỹ thuật phần mềm: khi học ngành nghề này các học viên được trang bị các kiến thức chuyên sâu hơn ngoài các kiến thức cơ bản như Nhận dạng và xử lý ảnh - đồ họa máy tính - chương trình dịch - công nghệ phần mềm... Được bổ sung các kiến thức bổ trợ nhằm học viên khi ra trường có khả năng phân tích, thiết kế và quản lý các dự án phần mềm, xây dựng mô hình và áp dụng công nghệ phần mềm và thực tế.
 - Công nghệ kỹ thuật máy tính: về phần cứng máy tính thì có nhiều kiến thức chuyên sâu liên quan đến thiết bị, bo mạch,.. Các kiến thức chuyên sâu như thiết kế vi xử lý, ngôn ngữ và phương pháp dịch - kỹ thuật lập trình hướng sự kiện, xử lý tín hiệu số - phân tích và thiết kế hệ thống,... để học viên ra trường có khả năng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin vào xã hội.
 - Mạng và truyền thông máy tính: Ngoài các kiến thức cơ bản học viên còn được trang bị những kiến thức chuyên ngành như lý thuyết truyền tin, mạng internet, an toàn – an ninh mạng, quản trị mạng,.. Giúp học viên khi ra trường đào tạo có khả năng nghiên cứu, phát triển ứng dụng và thực tế theo nhu cầu của xã hội.
 - Ngoài ra còn rất nhiều ngành nghề khác như hệ thống thông tin, tin học ứng dụng, công nghệ thông tin, điện tử máy tính, tin học viễn thông, sự phạm tin học,...

4. Những yêu cầu khi học ngành Công nghệ thông tin

- Yêu cầu cơ bản chung là các học viên phải nắm vững các kiến thức cơ bản về ngành nghề mình học như: toán học, vật lý hiện đại, ngôn ngữ lập trình, hệ điều hành,...
- Yêu cầu riêng của mỗi chuyên ngành sẽ khác nhau tùy vào khả năng và ngành nghề học tập như:
 - + Công nghệ kỹ thuật phần mềm: chú trọng các kỹ năng lập trình, đồ họa, công nghệ phần mềm,...
 - + Hệ thống thông tin: yêu cầu kỹ năng thiết kế cơ sở dữ liệu, lập trình mạng,...
 - + Công nghệ kỹ thuật phần cứng: thiết kế và phân tích thuật toán, toán hạng song song,...

- + Mạng và truyền thông máy tính: cần chú trọng thiết kế và cài đặt mạng, an toàn và an ninh mạng,...
- Ngoài các yêu cầu chung và riêng của từng ngành nghề còn có những điều cản trở bạn và những việc bạn nên có để có thể học tốt ngành Công nghệ thông tin:
- Những việc bạn nên có khi học ngành Công nghệ thông tin:
 - + Niềm đam mê Công nghệ thông tin.
 - + Trình độ ngoại ngữ.
 - + Kỹ năng làm việc theo nhóm.
 - + Ham học hỏi, trau dồi kiến thức.
 - + Kiên trì, nhẫn nại.
 - + Có óc sáng tạo và làm việc dưới áp lực lớn.
 - + Điều quan trọng nhất là tính chính xác trong công việc.
- Những việc cản trở bạn khi học ngành Công nghệ thông tin:
 - + Chỉ muốn công việc đơn giản, không vận dụng đầu óc.
 - + Không có tính kỷ luật.
 - + Không kiên trì làm một việc gì đó.
 - + Không có khả năng đọc, nói, hiểu ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh.
 - + Không có tính chính xác trong công việc.

III. Chia sẻ về động cơ, phương pháp học tập và hướng nghiên cứu của tôi

- Khi quyết định theo học ngành Công nghệ thông tin tôi không nghĩ nhiều về lý do hay ngành nghề của ngành công nghệ thông tin. Tôi theo học vì tôi cảm thấy hứng thú với ngành. Từ khi được tiếp cận với máy tính tôi đã cảm thấy rất thích thú với công nghệ. Khi khám phá các thiết bị, các chương trình, chơi các game vui nhộn,... Nó làm gia tăng điều mà tôi chưa từng nghĩ khi theo học ngành công nghệ thông tin.
- Về môi trường học tập, tôi được tư vấn nên chọn các trường nổi tiếng về công nghệ thông tin như đại học Khoa học tự nhiên, đại học Bách khoa, Đại học Công nghệ thông tin,... nhưng muốn học theo năng lực của bản thân tôi và ở nơi gần nhà, chi phí học tập không cao, môi trường học tập tốt. Khi biết được thông báo là trường CĐSP Tây Ninh cũng có đào tạo ngành công nghệ thông tin, tôi đã quyết định thi vào trường để học tập. Trường đáp ứng đầy đủ các yếu tố tôi cần đó là gần nhà, chi phí học tập thấp, môi trường học tập tốt, đặc biệt các giảng viên luôn tận tình chỉ dạy hỗ trợ sinh viên chúng tôi khi gặp khó khăn trong học tập.
- Lúc mới tham gia học tập, tôi có hướng nghiệp là làm một nhân viên IT sửa chữa máy tính. Nhưng từ khi tiếp cận được ngôn ngữ lập trình HTML đã ảnh hưởng đến tôi về cách học tập. HTML là ngôn ngữ dùng thiết kế web, tôi đã rất hứng thú khi tự tay thiết kế một trang web đơn giản. Hiện tại và tương lai tôi quyết định hướng nghề nghiệp của bản thân là thiết kế và lập trình web. Nghiên cứu kỹ lưỡng tôi mới thấy ngành công nghệ thông tin rất nhiều ngành nghề, nhiều cơ hội làm việc, nhiều cơ hội thành đạt. Bên cạnh đó cũng có vô số khó khăn, thử thách, trên con đường tôi chọn. Nhưng tôi đã quyết định đúng khi chọn theo học ngành công nghệ thông tin.
- Về phương pháp học tập: phương châm của tôi đơn giản và dễ làm đó là: “ Học thì học hết mình, chơi thì chơi hết mình ”. Học hết mình là khi học chỉ học, khi làm việc gì đó như

nguyên cứu thì nghiên cứu cho xong, khi làm việc gì thì không để việc khác ảnh hưởng làm không hoàn thành được công việc đang làm.

Cụ thể là:

- + Học kỹ lý thuyết: phần lý thuyết của mỗi môn học đều hết sức quan trọng, nó là nền tảng để bạn có thể vận dụng, phát triển trong nhiều môn học khác nhau hoặc khi bạn học cao hơn nữa. Nếu chỉ học lý thuyết qua loa bạn sẽ chỉ làm được các bài tập dạng áp dụng và không liên hệ được kiến thức giữa các môn học
- + Thực hành thật nhiều: thông qua các bài tập thực hành, những lỗi sai khi cài đặt chương trình bạn sẽ hiểu lý thuyết sâu hơn, giải đáp được những điểm mà bạn chưa hiểu khi học lý thuyết. Cần làm hết những bài tập của thầy cô cho và sưu tầm làm thêm các bài tập khác, càng nhiều càng tốt.
- + Tham khảo tài liệu trên mạng internet, đặc biệt khi đã có bài giải sẵn trên mạng thì chỉ đọc để hiểu và làm lại, tuyệt đối không sao chép.
- + Học tiếng Anh: tiếng Anh là môn học hỗ trợ tối cần thiết để có thể học tốt các môn ngành công nghệ thông tin. Ít nhất chúng ta cần trau dồi tiếng anh để có thể đọc hiểu các thông báo khi làm việc trên máy tính, xa hơn nữa để có thể đọc mục Help có trong mỗi phần mềm, đó chính là người thầy thầm lặng giúp ta học tốt!

IV. Kết Luận

Công nghệ thông tin là ngành hợp thời đại, ngành nghề đa dạng, có nhiều cơ hội làm việc và thành đạt. Có niềm đam mê với công nghệ thông tin và phương pháp học tập đúng đắn thì không quá khó khăn để học tốt và tìm được một công việc phù hợp trong tương lai.

Vậy còn chờ gì nữa, nếu bạn còn chưa quyết định ngành nghề thì với các lý do trên bạn nên theo học ngành công nghệ thông tin, khi công nghệ thông tin đã trở thành một phần của cuộc sống.

THAM LUẬN 9

**NGHIÊN CỨU VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TỪ VỰNG
CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI KHOA SƯ PHẠM
TIẾNG ANH TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TÂY NINH.**

Tác giả : Nhóm Tiếng Anh 38

Lớp: Anh 38

I. MỞ ĐẦU:**1. Lý do chọn đề tài:**

Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, tiếng Anh được sử dụng rộng rãi như một ngôn ngữ quốc tế của hầu hết các nước trên thế giới. Nhờ có tiếng Anh, ngày càng nhiều người trên toàn thế giới thân thiện với nhau hơn. Tiếng Anh là một trong những thứ tiếng có vốn từ vựng phong phú, nên việc học và sử dụng ngôn ngữ này có không ít khó khăn.

Có thể nói, nếu xem việc học tiếng Anh như xây nhà, thì việc học từ vựng chính là xây nền móng cho căn nhà đó. Nếu có vốn từ vựng phong phú, người học sẽ phát triển kỹ năng giao tiếp, viết luận, diễn thuyết và hiểu được ý tưởng của người khác cũng như trình bày rõ ràng, xúc tích những suy nghĩ của mình.

Trong phạm vi sinh viên năm thứ hai khoa Sư phạm tiếng Anh thuộc Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh, đa số sinh viên được khảo sát cho rằng họ đang gặp khó khăn với việc học từ vựng như: không đủ thời gian, số lượng từ quá nhiều hay không đủ thiết bị cho việc học từ vựng. Nhìn chung việc học từ vựng đang là một trở ngại lớn cho việc học tiếng Anh.

2. Mục đích nghiên cứu

Trước vấn đề trên, nghiên cứu này được tạo ra nhằm mục đích:

- Điều tra tình trạng học từ vựng của sinh viên năm thứ hai lớp tiếng Anh 38.
- Thử nghiệm những phương pháp học từ vựng mới, đem so sánh với những cách học truyền thống và rút ra kết luận cách học nào hiệu quả hơn.

3. Đối tượng nghiên cứu.

- + Về việc học và sử dụng từ vựng tiếng Anh .
- + Các kỹ năng học từ vựng tiếng Anh .

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Nghiên cứu tài liệu: Đọc tài liệu tham khảo.
- Khảo sát thực tế: Tìm hiểu tình hình học tập của sinh viên, khảo sát tình hình thực tế .
- Phương pháp thực hành: Thực hành về việc sử dụng từ vựng tiếng Anh vào thực tế, kiểm tra thực tế.

Phạm vi và kế hoạch nghiên cứu .

29 sinh viên khoa tiếng Anh làm bảng khảo sát nghiên cứu về một số phương pháp để học tốt từ vựng trong giáo trình.

II. NỘI DUNG**1. Vai trò của từ vựng trong tiếng Anh**

Học từ vựng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ. Theo nhà ngôn ngữ học nổi tiếng D. A. Wilkins (1972) đã nói rằng “Không có ngữ pháp, rất ít thông tin

có thể được truyền đạt; Không có từ vựng, không một thông tin nào có thể được truyền đạt cả.”. Như vậy, từ vựng là công cụ giúp người học có thể tiến hành giao tiếp thành công. Ngoài ra, từ vựng là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như: đọc hiểu, nghe hiểu, nói, viết... Nhận thức được tầm quan trọng này, ngày nay các phương pháp áp dụng trong giảng dạy đều chú trọng đến việc dạy từ vựng. Và việc bắt đầu học tiếng Anh luôn gắn liền với việc học từ vựng.

2. Phương pháp để học từ vựng

Theo nhà nghiên cứu tâm lý học người Đức Ebbinghaus thì trí não con người sau khi tiếp nhận thông tin sẽ bắt đầu quá trình quên lãng. Quá trình quên lãng này bắt đầu từ phút thứ 10 trở đi sau khi học, sau 20 phút não người chỉ nhớ 58% lượng thông tin vừa học, sau 1 tiếng nhớ 44%, 9 tiếng nhớ 36%, sau 1 ngày nhớ 33%, sau 2 ngày nhớ 28% và cuối cùng sau 1 tháng chỉ nhớ khoảng 20%. Nên việc học kiên trì và ôn lại từ vựng hàng ngày theo chu kỳ nhất định là một điều hết sức quan trọng trong việc học từ vựng cũng như các môn học cần khả năng ghi nhớ.

3. Thực trạng học từ vựng của sinh viên lớp Tiếng Anh 38.

3.1. Qua kết quả thi học phần I.

Sau đây là bảng thống kê số liệu kết quả đạt được của môn từ vựng trong kỳ thi Học phần 1 lớp tiếng Anh 38 vừa qua:

Điểm	Số sinh viên	Tỷ lệ (%)
Dưới trung bình (dưới 5 điểm)	0	0%
Từ 5 đến 7 điểm	26	89.7%
Từ 8 đến 10 điểm	3	10.3%

Theo kết quả thống kê cho thấy, số lượng sinh viên đạt điểm từ 5 đến 7 chiếm tỉ lệ cao nhất (89.7%), không có sinh viên đạt điểm dưới trung bình, 10.3% sinh viên đạt từ 8 đến 10 điểm. Nhìn chung, lực học của các sinh viên này chỉ đạt mức từ trung bình đến khá, chỉ đủ đáp ứng cho các kì thi học phần. Vì vậy có thể xem đây là một thực trạng đáng quan tâm của sinh viên sư phạm chuyên Anh.

3.2. Về phương pháp học từ vựng.

Kết quả phân tích như sau:

- Tổng số sinh viên tham gia: 29 sinh viên (lớp Tiếng Anh 38)

Các phương pháp học từ mới được đem vào thử nghiệm

Phương pháp học từ vựng	Mức độ					
	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên	
	SL	%	SL	%	SL	%
Sử dụng thẻ từ (flash card)	15	51.7%	9	31.1%	5	17.2%
Sử dụng phép nhớ (mnemonics)	1	3.4%	10	34.5%	18	62.1%
Sử dụng bản đồ từ (word map)	5	17.2%	8	27.6%	16	55.2%

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy, đa số sinh viên rất thường xuyên sử dụng thẻ từ để học (51.7%). Đồng thời sinh viên cũng thường xuyên sử dụng bản đồ từ (27.6%). Và số lượng sinh viên không thường xuyên sử dụng phép nhớ chiếm tỉ lệ khá cao (62.1%)

4. Nguyên nhân ảnh hưởng đến việc học từ vựng trong tiếng Anh.

4.1 Số lượng từ vựng trong mỗi bài học nhiều

Điều này rất đúng vì đa số các từ thuộc lĩnh vực thương mại kinh tế mà sinh viên chưa được làm quen trong chương trình tiếng Anh ở trường Phổ thông.

4.2 Sinh viên không đủ thời gian để học từ

Ngoài từ vựng, các sinh viên còn phải chia đều thời gian cho các môn học khác. Một số phải làm thêm, tạo thu nhập, phục vụ việc học tập. Vì thế, họ không đủ thời gian để học nhiều hơn ở bộ môn này.

4.3 Không có đủ phương tiện học từ vựng ở nhà

Đa số các bạn sinh viên lớp tiếng Anh 38 gặp khó khăn do không có đủ kinh phí để trang bị cho mình một số thiết bị điện tử như: từ điển đĩa, laptop, máy nghe tiếng Anh,...

4.4 Một số nguyên nhân khác

- Học từ một cách rời rạc
- Không biết sử dụng từ trong ngữ cảnh phù hợp.
- Thiếu sự kiên trì.

5. Một số phương pháp học từ vựng

Để học một từ mới, đầu tiên dĩ nhiên là phải nhìn thấy từ đó. Vì vậy phải đọc tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Một khi đã có thói quen đọc, sinh viên có thể xây dựng vốn từ của mình thông qua 5 phương pháp sau:

5.1 Phân tích các thành tố từ

Nhiều từ tiếng Anh có các tiền tố, căn tố và hậu tố. Sinh viên có thể mở rộng vốn từ của mình bằng cách ghi nhớ danh sách các thành tố này.

Ví dụ:

Tiền tố	re-	diễn ra lần thứ hai
Căn tố	circul	xung quanh
Hậu tố	-tion	hành động
Từ	Recircultion	sự quay vòng, sự tuần hoàn

5.2 Nhận dạng các hình thái ngữ pháp

Làm quen với các hình thái ngữ pháp của từ giúp sinh viên tăng cường từ vựng. Các hậu tố giúp nhận biết nghĩa của từ và vị trí ngữ pháp của nó trong câu.

Các đuôi danh từ thường gặp: -tion/ -ance/ -ence/ -ent/ -ism/ -ship/ -ity/ -er/ -or/ -ee

Ví dụ: friendship, teacher

Các đuôi động từ thường gặp: -ize/ -ate/ -en

Ví dụ: memorize, lengthen

Các đuôi tính từ thường gặp: -y/ -ous/ -ious/ -able/ -al/ -ic/ -ful/ -less

Ví dụ: happy, musical

Các đuôi trạng từ thường gặp: -ly

Ví dụ: quickly, carefully

5.3 Nhận dạng họ từ

Như anh chị em trong một gia đình, các từ cũng có họ hàng với nhau. Những từ này có cùng một nền tảng nhưng lại có hình thái ngữ pháp khác nhau, vì vậy chúng được xem là những thành viên của một họ từ. Khi sinh viên học một từ mới, hãy tra từ điển để tìm thêm các họ từ.

Ví dụ: care (n) – to care (v) – careful (adj) – carefully (adv)

5.4 Tạo từ điển cá nhân

Từ điển này cũng giống như một từ điển bình thường, ghi lại theo các chữ cái A, B, C cho đến hết bảng chữ cái theo cách nhớ của riêng mình.

5.5 Viết nhật ký đọc hằng ngày

Bạn nên dành ít nhất từ 20 – 30 phút mỗi ngày để đọc và viết tiếng Anh. Chọn những bài đọc làm sinh viên hứng thú, đồng thời cũng phù hợp với trình độ của mình. Bằng cách này, các sinh viên có thể được tiếp cận nhiều từ mới

Ví dụ các chủ đề: thể thao, giáo dục, ...

6. Một số đề xuất để sinh viên có thể học tốt môn từ vựng

6.1 Đối với sinh viên:

Có ý thức tích cực trong việc học tiếng Anh, đặc biệt là môn từ vựng. Xác định động cơ học tập để có hành trang cho công việc sau này, tránh tư tưởng học chỉ để có tấm bằng tốt nghiệp.

Học từ vựng đòi hỏi người học nỗ lực suốt cả cuộc đời, phải rất kiên trì và tìm được phương pháp phù hợp với hoàn cảnh và cách học của riêng mình.

- Có ý thức trau dồi từ vựng hàng ngày
- Tăng cường kỹ năng tra từ điển.
- Cố gắng sử dụng từ đã học trong nhiều ngữ cảnh khác nhau.
- Học những từ quan trọng theo chủ đề mà bạn đang học
- Học những từ mà bạn sẽ thường xuyên sử dụng

6.2 Đối với khoa ngoại ngữ và Trường CĐSP Tây Ninh.

Nhà trường cần quan tâm đến cơ sở vật chất để phục vụ việc học bộ môn từ vựng cho sinh viên khoa ngoại ngữ. Tạo không gian học thoải mái, thoáng mát, nối mạng Internet để tạo cho sinh viên ý thức tự học. Tăng cường giáo viên người bản ngữ dạy trực tiếp cho sinh viên.

Khoa Ngoại ngữ cần tăng cường tổ chức các buổi hoạt động ngoại khóa, buổi trao đổi để các sinh viên chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp học tập với nhau.

III. KẾT LUẬN

Có thể nói rằng từ vựng có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học ngoại ngữ, nó có tác động rất tích cực đến các kỹ năng khác như nghe, nói, đọc, viết. Thực tế cho thấy, các bạn sinh viên gặp không ít khó khăn trong quá trình học và hiểu các từ vựng từ dễ đến khó. Để khắc phục những khó khăn trên, sinh viên cần tìm ra nguyên nhân của chính mình và từ đó tìm phương pháp học một cách hợp lý. Những biện pháp đưa ra trong bài viết này, có thể cải thiện khả năng học từ vựng của sinh viên. Tuy nhiên, điều quan trọng là họ phải kiên trì, bền bỉ rèn luyện, trao đổi không ngừng của bản thân vì “*học tập là vô bờ, quyết tâm là cập bến*”. Hy vọng với những giải pháp mà chúng tôi đã chia sẻ trong đề tài này sẽ giúp không ít cho các bạn sinh viên chuyên Anh năm hai, lớp tiếng Anh 38 có thể cải thiện khả năng học từ vựng của mình và học tập đạt kết quả cao trong kỳ thi học phần II và có thể biến nó thành công cụ hữu ích cho công tác giảng dạy sau này.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Agnieszka Uberman, the Use of Games for Vocabulary Presentation and Revision 'Forum' Vol. 36 No 1, January – March 1998 Page 20. (<http://eca.state.gov/forum/vols/vol36/no1/p20.htm>)
- Using Vocabulary Building Software[7]
- English Vocabulary List- Learn Frequently Used Most Common Word
- UsingEnglish.com